



Australian Government

Australian Centre for International Agricultural Research

THÁNG 8 . 2024

aciar.gov.au

ACIAR

IN VIETNAM



Quan hệ đối tác ACIAR - Việt Nam ngày càng phát triển

Tổng giám đốc điều hành ACIAR đến thăm và làm việc tại Việt Nam

Từ nông dân tới thương nhân

Mục lục



3 Thư Ban biên tập

TIN TỨC

4 Chương trình ACIAR Việt Nam: 32 Dự án hiện tại và sắp tới

6 Quan hệ đối tác ACIAR – Việt Nam ngày càng phát triển

9 Tổng Giám đốc điều hành ACIAR đến thăm và làm việc tại Việt Nam

11 Hỗ trợ nông dân chung sống với hạn mặn

13 Đại sứ về Biến đổi khí hậu của Australia gặp gỡ các đối tác ACIAR tại Việt Nam

TIN TỨC TỪ ĐẠI SỨ QUÁN AUSTRALIA

15 Ra mắt Liên minh đổi mới sáng tạo chăn nuôi lợn an toàn sinh học

16 Thích ứng với thay đổi: nỗ lực hợp tác hỗ trợ người nuôi tôm ở ĐBSCL

17 Gieo trồng những hạt giống tạo sự thay đổi trong chuỗi giá trị lúa gạo

CẬP NHẬT TỪ DỰ ÁN

18 Xây dựng lộ trình nghiên cứu phát triển bền vững cây có múi ở Việt Nam

20 Từ nông dân tới thương nhân: hành trình đặc biệt của ông Trần Phước Nhân

22 Thúc đẩy canh tác bền vững và hỗ trợ sinh kế tại Tây Nguyên

25 Xây dựng năng lực nghiên cứu giúp giảm thất thoát thực phẩm ở lưu vực sông Mê Kông

28 Liên kết hoạt động sản xuất của nông hộ trong chuỗi thương mại cung ứng bò thịt tại Việt Nam

30 Cải thiện nguồn gen gà đem lại cuộc sống tốt hơn cho người nuôi

32 Các giải pháp tài chính nông thôn ở Việt Nam

33 Đổi mới trong quan hệ đối tác giúp tăng cường an ninh sinh học rừng ở Đông Nam Á

35 Xây dựng mạng lưới an toàn sinh học và chăm sóc sức khỏe rừng hiệu quả ở Đông Nam Á

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

37 Cập nhật chương trình phát triển năng lực của ACIAR

GƯƠNG MẶT ACIAR

39 Phòng vấn chuyên gia nghiên cứu

41 Phòng vấn nông dân

MÓN NGON TỪ NÔNG TRẠI

43 Salad gà và rau củ nướng

Ảnh bìa trước: Đại sứ Australia tại Việt Nam Andrew Golezdzinowski (phải) và TS Clément Rigal (CIRAD) thăm thí nghiệm đo độ thoát hơi nước trên cây cà phê (sap-flow) thuộc dự án VSCOPE do ACIAR tài trợ. Ảnh: Dự án V-SCOPE.

Thư Ban biên tập

Quý độc giả thân mến,

Chúng tôi rất vui mừng được chia sẻ với quý vị Bản tin ACIAR tại Việt Nam số mới nhất. Đây là ấn phẩm thường kỳ nhằm chia sẻ những thành tựu và tác động của các dự án hợp tác nghiên cứu do ACIAR tài trợ tại Việt Nam và khu vực.

Trong số này, các nhà nghiên cứu, đối tác tư nhân và nông dân tham gia trong các dự án của ACIAR sẽ mang đến cho quý độc giả những câu chuyện dưới góc nhìn của họ, với nhiều chủ đề đa dạng, từ nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu, an toàn sinh học trong lâm nghiệp, cải tiến di truyền vật nuôi, đến tiếp cận thị trường cao cấp cho nông hộ nhỏ và các phương án tiếp cận tài chính phù hợp cho các cộng đồng nông thôn ở Việt Nam.

Một chủ đề nổi bật trong số này là mối quan hệ hợp tác ngày càng bền chặt, gắn bó giữa ACIAR và Việt Nam, trải dài suốt hơn 3 thập kỷ qua. Trong tháng 3 năm 2024, Australia và Việt Nam đã nâng tầm mối quan hệ song phương lên cấp độ Đối tác Chiến lược Toàn diện; đồng thời, ACIAR và Việt Nam cũng hân hoan kỷ niệm một mốc son mới trong quan hệ hợp tác khi Tổng Giám đốc điều hành ACIAR và Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cùng ký kết thỏa thuận hợp tác mới giữa hai cơ quan. Ngay sau đó, trong tháng 5 năm 2024, Tổng Giám đốc điều hành ACIAR, Giáo sư Wendy Umberger, cùng các nhà lãnh đạo của ACIAR đã có chuyến thăm và làm việc chính thức tại Việt Nam, gặp gỡ với nhiều đối tác quan trọng nhằm thảo luận về các thách thức và cơ hội đối với ngành nông nghiệp và các cộng đồng nông thôn Việt Nam.

Chúng tôi hy vọng quý vị tìm được nhiều thông tin hữu ích trong bản tin lần này và hiểu hơn về công việc của ACIAR tại Việt Nam. Chúng tôi rất mong nhận được góp ý của quý vị để có những ấn phẩm tốt hơn trong tương lai. Mọi góp ý xin gửi về hòm thư aciavietnam@aci.gov.au. Rất mong được lắng nghe ý kiến của quý vị!

Cảm ơn quý vị đã luôn ủng hộ và quan tâm đến ACIAR!

Trân trọng,

ACIAR Việt Nam.



Chương trình ACIAR Việt Nam: 32 Dự án hiện tại và sắp tới



Kinh doanh nông nghiệp | 8

- Tài chính bao trùm cho chuỗi giá trị nông nghiệp (AGB/2016/163).
- Xác định giải pháp bền vững cho các bệnh trên cây sắn ở Đông Nam Á (AGB/2018/172).
- Thiết lập chuỗi giá trị lúa gạo bền vững cho nông hộ nhỏ ở ĐBSCL (AGB/2019/153).
- Nâng cao tính bền vững, năng suất và giá trị kinh tế của chuỗi cà phê và hồ tiêu ở Tây Nguyên - VSCOPE (AGB/2018/175).
- Hợp tác với các công ty thương mại giúp nâng cao sinh kế cho nông hộ nhỏ ở Tây Nguyên thông qua thí điểm hướng tới sản xuất cà phê Robusta chất lượng cao – Hoạt động nghiên cứu bổ sung cho dự án VSCOPE (CS/2023/181).
- Thất thoát lương thực trong chuỗi giá trị cá tra Pangasius ở lưu vực sông Mê Kông (CS/2020/209).
- Liên kết hoạt động sản xuất của nông hộ vào chuỗi thương mại cung ứng bò thịt tại Việt Nam (AGB/2020/189).
- Giám sát số về mức độ tuân thủ VietGAP trong chuỗi giá trị hoa quả của các nông hộ nhỏ ở Tây Bắc cho các thị trường chất lượng cao trong nước và các thị trường xuất khẩu tiềm năng (AGB/2022/144).



Biến đổi khí hậu | 3

- Hỗ trợ kiểm kê khí nhà kính và xây dựng các giải pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong canh tác lúa tại Việt Nam (CLIM/2019/15).
- Xác định tiềm năng chuyển đổi kinh doanh nông nghiệp dựa trên rừng ngập mặn ở khu vực ven biển ĐBSCL (CLIM/2023/190).
- Lộ trình cho các mô hình chuyển đổi kinh doanh nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu ở ĐBSCL (CLIM/2021/138).



Thủy sản | 5

- Phát triển ngành nuôi trai lấy ngọc tại Tonga và Việt Nam (FIS/2016/126).
- Nâng cao kỹ năng chuyên môn hỗ trợ nuôi trồng hải sản trong cộng đồng tại Philippines và Việt Nam. (FIS/2016/122)
- Giải quyết các rào cản kỹ thuật chính trong chuỗi cung ứng cá mú tại Việt Nam và Australia thông qua phát triển thức ăn công nghiệp và sản xuất giống nhằm cải thiện lợi nhuận cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ (FIS/2022/148).
- Tiềm năng phát triển nghề nuôi bào ngư ở Việt Nam (FIS/2024/125).
- Mạng lưới phục hồi san hô Đông Nam Á (FIS/2024/148).

Hệ thống chăn nuôi | 2

- Cải thiện nguồn gen gà châu Á (AsCGG) nhằm nâng cao sinh kế cho người dân ở Đông Nam Á (LS/2019/142).
- Sáng kiến hợp tác bền vững vì sức khỏe động vật ở khu vực Ấn Độ-Thái Bình Dương (IPI-SAHC) (LS/2022/143).

Trồng trọt – cây ăn quả, rau màu | 3

- Xác định các ưu tiên của ngành sản xuất cây ăn quả có múi ở Việt Nam để xây dựng lộ trình nghiên cứu (HORT/2023/179).
- Xác định cơ hội phát triển nông nghiệp đô thị và ven đô ở Đông Nam Á (HORT/2023/147).
- Giảm nguy cơ tuyến trùng gây sưng rễ ngoại lai (HORT/2023/167).

Lâm nghiệp | 3

- Quản lý rủi ro an toàn sinh học rừng ở Đông Nam Á (FST/2018/179).
- Xây dựng mạng lưới an toàn sinh học và chăm sóc sức khỏe rừng ở Đông Nam Á (FST/2020/123).
- Đa dạng sinh kế với các giống cây bản địa ở Tây Bắc Việt Nam (FST/2023/150).

Quản lý đất | 3

- Các phương án cây trồng thay thế trên nền đất lúa bị xâm nhập mặn ở ĐBSCL, Việt Nam (SLAM/2018/144).
- Tương tác giữa vi sinh vật đất và hệ thống luân canh lúa – cây trồng cạn ở ĐBSCL (SLAM/2022/175).
- Đánh giá điều kiện đất cho sản xuất cà phê, hồ tiêu và cây ăn quả ở 5 tỉnh Tây Nguyên (SLAM/2023/142).

Trồng trọt – Cây lương thực | 1

- Các hệ thống sản xuất sản kháng bệnh bền vững ở khu vực sông Mê Kông (CROP/2022/110).

Hệ thống xã hội | 3

- Cơ hội và thách thức cho tương lai bền vững của các nông hộ nhỏ ở Việt Nam (SSS/2024/108).
- Hỗ trợ các nhà hoạch định chính sách và nông dân trong cách mạng nông nghiệp xanh: canh tác lúa ở Việt Nam (SSS/2024/107).
- Chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp và nông thôn Việt Nam (SSS/2023/138).

Nước | 1

- Vai trò của cảm biến từ xa trong hỗ trợ quản lý nước ở Đông Nam Á (WAC/2023/117).

Quan hệ đối tác ACIAR – Việt Nam ngày càng phát triển

Trong 31 năm qua, ACIAR đã hợp tác với Việt Nam trong hơn 260 dự án nghiên cứu, với tổng số vốn đầu tư hơn 184 triệu đô la Úc. Sự hợp tác này đã đóng góp đáng kể vào các mục tiêu của Việt Nam trong việc giảm nghèo, trao quyền cho nông dân sản xuất nhỏ, tạo ra các ngành nghề mới và hiện đại hóa nền nông nghiệp.

Ngày nay, Việt Nam đang hướng tới mục tiêu trở thành một trong những nước sản xuất thực phẩm hàng đầu thế giới vào năm 2050, tập trung vào chất lượng nông sản và các phương pháp canh tác hiệu quả, thân thiện với môi trường.

Nâng tầm quan hệ đối tác

Năm 2024, Australia và Việt Nam chính thức nâng tầm quan hệ lên Đối tác Chiến lược Toàn diện, đánh dấu mức quan hệ ngoại giao cao nhất sau 50 năm hợp tác. ACIAR tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong mối quan hệ hợp tác này, đặc biệt là trong lĩnh vực nghiên cứu nông nghiệp.

Đại sứ Australia tại Việt Nam, Ngài Andrew Golezdzinowski, nhấn mạnh tính hiệu quả của quan hệ đối tác ACIAR - Việt Nam, với mỗi đô-la Úc ACIAR đầu tư đã tạo ra giá trị tương đương với 90 đô-la Úc cho Việt Nam. Như vậy có thể nói, mối quan hệ đối tác đã tạo ra tổng lợi ích trị giá hơn 16 tỷ đô la Úc cho nông nghiệp Việt Nam, với đối tượng hưởng lợi được ưu tiên hàng đầu là các nông hộ sản xuất nhỏ. Đại sứ cũng nhấn mạnh rằng mối quan hệ đã phát triển từ bên tài trợ và bên nhận viện trợ trở thành quan hệ đối tác thực sự nơi cả hai bên cùng đóng góp và hưởng lợi.



Nông dân ở Tây Bắc đã tăng thu nhập lên gấp 15 lần sau khi áp dụng các thực hành nông nghiệp tốt trong trồng rau theo tiêu chuẩn Viet-GAP nhờ một dự án kéo dài 10 năm do ACIAR hỗ trợ.

Thay đổi các ưu tiên

Việt Nam hiện đã trở thành nước có thu nhập trung bình và có tham vọng phát triển 'nền nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh'. Tuy nhiên, Việt Nam cùng lúc vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức như biến đổi khí hậu (BĐKH), sản xuất manh mún và lực lượng lao động nông thôn đang già hóa. GS Wendy Umberger, Tổng Giám đốc điều hành ACIAR, trong chuyến thăm Việt Nam vào tháng 5 năm 2024, đã ghi nhận những thách thức chung của Australia và Việt Nam, đặc biệt là về tác động của BĐKH đối với nông nghiệp.

'Là một quốc gia có đường bờ biển dài, Việt Nam đang chứng kiến những thay đổi đáng kể do tác động ngày càng lớn của BĐKH như hạn hán, xâm nhập mặn và tình trạng khai thác quá mức nước ngầm. Những vấn đề này lại kéo theo các dịch bệnh mới nổi gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến các ngành hàng nông nghiệp chủ đạo như lúa gạo, rau và trái cây,' GS Umberger nhận định.

'ACIAR cam kết hỗ trợ Việt Nam trong các lĩnh vực này, góp phần đảm bảo mang lại lợi ích chung cho cả hai nước. Việt Nam và Australia đều là nước xuất khẩu nông sản cho thế giới, vì vậy đôi bên sẽ có nhiều cơ hội hợp tác và học hỏi lẫn nhau,' bà nói.



Xâm nhập mặn là một trong những thách thức lớn ở khu vực ĐBSCL



Với sự ra đời của ngành rau an toàn, rất nhiều phụ nữ và người dân tộc thiểu số ở tỉnh Sơn La đã có thêm công ăn việc làm. Tại huyện Mộc Châu và Vân Hồ, 55% nông dân tham gia các hoạt động là phụ nữ.

Chiến lược hợp tác 10 năm

Việt Nam đang nỗ lực để đưa nền nông nghiệp tới năm 2050 sánh ngang với các nền nông nghiệp lớn trên thế giới, thích ứng với BĐKH, đồng thời trở thành nhà cung ứng của các thị trường cao cấp và nâng mức sống ở nông thôn lên ngang bằng với khu vực thành thị. Để đạt được kết quả này, Việt Nam cần đạt được những bước tiến trong nông học, đảm bảo sản phẩm chất lượng cao phục vụ xuất khẩu và giảm lượng khí thải mêtan từ canh tác lúa gạo và duy trì diện tích che phủ rừng.

Những mục tiêu này phù hợp với chiến lược hợp tác hiện tại giữa ACIAR và Việt Nam, tập trung vào việc hỗ trợ thương mại hóa khu vực sản xuất nhỏ và tăng cường hợp tác giữa khu vực tư nhân với nông dân và các nhà nghiên cứu.

ACIAR sẽ tiếp tục đầu tư chiến lược vào Việt Nam, tập trung vào ba khu vực địa lý ưu tiên hiện nay là

Tây Bắc, Tây Nguyên và ĐBSCL – những nơi có thể phát huy tốt nhất thế mạnh về nghiên cứu của Australia. Đây cũng là những nơi chịu tác động lớn của BĐKH, đặc biệt là đối với cộng đồng nông thôn và các nông dân sản xuất nhỏ.

‘Mục tiêu của chúng tôi là giải quyết những thách thức cấp bách mà các khu vực này đang phải đối mặt. Đồng thời, chúng tôi cũng hướng đến việc thu hút phụ nữ và các hợp tác xã tham gia nhiều hơn vào sản xuất nông nghiệp bền vững. Các nhóm này có thể lan tỏa kết quả nghiên cứu nhanh hơn và hiệu quả hơn, và đảm bảo lợi nhuận sẽ được quay vòng tái đầu tư cho cộng đồng,’ GS Umberger chia sẻ.

Tăng cường quan hệ đối tác

Vào ngày 7 tháng 3 năm 2024, Giáo sư Wendy Umberger và Bộ trưởng Lê Minh Hoan, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Bộ NN&PTNT) Việt Nam, đã ký thỏa thuận hợp tác 5 năm về phát triển nông nghiệp bền vững và tăng cường hợp tác. Sau đó, cuộc đối thoại đối tác do ACIAR và Bộ NN&PTNT đồng tổ chức tại Hà Nội trong tháng 5 năm 2024 đã thảo luận chi tiết hơn về các ưu tiên nghiên cứu và hợp tác chiến lược trong tương lai.

Thứ trưởng Bộ NN & PTNT Phùng Đức Tiến đồng chủ trì đối thoại. Ông nhấn mạnh cam kết của Việt Nam trong việc tiếp tục hợp tác với ACIAR để thực hiện các nghiên cứu chiến lược, có thể nhân rộng nhằm phục vụ cho định hướng phát triển nền nông nghiệp xanh, đa giá trị.

Bản thỏa thuận hợp tác mới và cách thức hợp tác trong hiện tại cũng đã nêu bật cam kết của ACIAR về quan hệ đối tác bình đẳng và hợp tác hiệu quả. Trong cuộc đối thoại tại Hà Nội, các đối tác nghiên



Đối thoại đối tác ACIAR – Việt Nam do Đại sứ Andrew Goledzinowski, Thứ trưởng Phùng Đức Tiến và GS Wendy Umberger đồng chủ trì.

Tháo gỡ các rào cản kỹ thuật trong chuỗi thức ăn cho cá mú là một trong các dự án đầu tư quan trọng tiếp theo của ACIAR ở Việt Nam.



cứ lâu năm của ACIAR đã chia sẻ hiểu biết và kinh nghiệm về các dự án do Việt Nam chủ động đề xuất thực hiện, các dự án có sự tham gia góp vốn của Việt Nam, cũng như trao đổi về các hướng nghiên cứu và xây dựng năng lực nghiên cứu trong tương lai.

Hướng tới xây dựng sinh kế tốt hơn cho nông dân sản xuất nhỏ

Văn phòng ACIAR Việt Nam đã hợp tác chặt chẽ với các đối tác nghiên cứu, đặc biệt là Bộ NN&PTNT, để phát triển các quan hệ đối tác nghiên cứu mới.

Trong giai đoạn 2024-2025, bên cạnh hơn 20 dự án hiện có, ACIAR sẽ đầu tư thêm 8 sáng kiến nghiên cứu mới với tổng trị giá hơn 8 triệu đô la Úc. Các dự án này giải quyết các rào cản kỹ thuật trong chuỗi giá trị cá mú, nghiên cứu phát triển ngành cây có múi bền vững, giám sát số và đảm bảo chất lượng VietGAP trong chuỗi giá trị hoa quả.

Đại sứ Andrew Goledzinowski chia sẻ rằng sự đầu tư của Australia cho nghiên cứu nông nghiệp tại Việt Nam còn nhằm mục đích giảm phát thải khí nhà kính từ nông nghiệp, đặc biệt là khí mê-tan trong quá trình canh tác lúa ở vùng lúa ĐBSCL.

'Hiện nay chúng tôi rất chú trọng đến việc giảm thiểu tác động của BĐKH. Với tình hình hiện nay ở ĐBSCL, chúng tôi đang nỗ lực thay đổi đời sống của các

nông dân sản xuất nhỏ, những người có thu nhập thấp, bằng cách cải thiện các hệ thống canh tác và kinh doanh nông nghiệp của họ, giúp họ mang sản phẩm đến với thị trường và có được mức thu nhập tốt nhất. Chúng tôi cũng muốn nâng cao sự bình đẳng, công bằng để tất cả nông dân và các cộng đồng ở Việt Nam đều được hưởng lợi.'



Đảm bảo sự bình đẳng trong sinh kế cho các cộng đồng dễ bị tổn thương nhất ở Việt Nam là một mục tiêu cơ bản của quan hệ hợp tác giữa ACIAR và Việt Nam.

Tổng Giám đốc điều hành ACIAR đến thăm và làm việc tại Việt Nam

Vào tháng 5 năm 2024, Giáo sư Wendy UMBERGER đã đến thăm Việt Nam chính thức lần đầu tiên trên cương vị Tổng Giám đốc Điều hành ACIAR. Tháp tùng bà là Tổng Giám đốc Chương trình Nghiên cứu của ACIAR, TS James Quilty, Cố vấn cấp cao Chương trình Thủy sản, TS Chris Barlow và Giám đốc Quan hệ Đối tác Quốc gia, Bà Maree Livermore. Chuyến thăm đã khẳng định cam kết vững chắc của ACIAR trong việc tiếp tục phát triển quan hệ đối tác tốt đẹp với Việt Nam.

Quan hệ đối tác sâu sắc và đa dạng

Chương trình chuyến thăm của phái đoàn ACIAR do GS UMBERGER dẫn đầu bao gồm các cuộc gặp cấp cao, tham quan thực địa và các chương trình gặp gỡ - kết nối. Chương trình này thể hiện tính chất sâu rộng và đa bên trong mối quan hệ hợp tác giữa ACIAR và Việt Nam. Phái đoàn đã gặp các nhà

lãnh đạo của Việt Nam, trong đó có Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, TS Huỳnh Thành Đạt, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, TS Phùng Đức Tiến và Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, ông Đỗ Thành Trung.

Đại sứ Australia tại Việt Nam, Ngài Andrew Goledzinowski, đã tham gia cùng phái đoàn trong tất cả các cuộc gặp cấp Bộ và chuyến thăm Tây Nguyên. Sự tham gia của Đại sứ một lần nữa khẳng định mối quan hệ bền chặt giữa Australia và Việt Nam và sự hỗ trợ mạnh mẽ Đại sứ quán Australia tại Việt Nam dành cho ACIAR với tư cách là cơ quan chuyên trách của Chính phủ Australia về hợp tác nghiên cứu nông nghiệp quốc tế.

TS Nguyễn Văn Bộ, thành viên Hội đồng cố vấn chính sách về nghiên cứu nông nghiệp quốc tế của Australia, cũng tích cực tham gia cùng phái đoàn, giúp các cuộc thảo luận trở nên sâu sắc hơn.

Thúc đẩy đổi mới và hợp tác

Trong buổi làm việc với Bộ trưởng Huỳnh Thành Đạt, Bộ KH&CN, đôi bên tập trung vào việc thúc đẩy đổi mới, sáng tạo và nâng cao năng lực cho các nhà nghiên cứu của Việt Nam. Với sự tham gia của TS Chris Barlow, đôi bên cũng đã có những trao đổi cụ thể, sâu sắc về các tiềm năng hợp tác nghiên cứu trong lĩnh vực thủy sản. Sau cuộc họp này, ACIAR và Bộ KH&CN cũng đã có thêm các cuộc thảo luận để thúc đẩy tiềm năng hợp tác giữa hai bên trong lĩnh vực này.



Phái đoàn ACIAR gặp mặt Bộ trưởng Huỳnh Thành Đạt, Bộ KH&CN tại Hà Nội, tháng 5/2024.



Đối thoại đối tác do ACIAR và Bộ NN&PTNT đồng tổ chức tại Hà Nội, Tháng 5/2024.



Phái đoàn ACIAR gặp Thứ trưởng Đỗ Thành Trung, Bộ Kế hoạch Đầu tư (thứ 5 từ phải sang).



Phái đoàn ACIAR cùng Đại sứ Australia tại Việt Nam Andrew Golezdzinowski và Tổng lãnh sự Australia tại Hồ Chí Minh Sarah Hooper (thứ 4 và thứ 5 từ phải sang), đến thăm nông hộ Đỗ Văn Ánh (thứ 4 từ trái sang) ở tỉnh Đắk Lắk, tháng 5/2024.

Cuộc họp đối tác do ACIAR và Bộ NN&PTNT đồng tổ chức nhân chuyến thăm của phái đoàn ACIAR đã mang về những kết quả rất tích cực. Các đối tác nghiên cứu chính của ACIAR tại Việt Nam đã tham gia thảo luận sôi nổi, tích cực nhằm xác định các ưu tiên nghiên cứu trong thời gian tới, thúc đẩy hợp tác đa ngành để các dự án nghiên cứu mang lại các tác động lớn hơn. Các đối tác cũng thảo luận các ý tưởng, cơ sở giúp nâng cao tính hiệu quả của việc phê duyệt và đồng tài trợ dự án. Các ý kiến được thống nhất trong cuộc họp sẽ giúp ACIAR và Bộ NN&PTNT định hướng tốt hơn các hoạt động đầu tư trong tương lai, đảm bảo các dự án do ACIAR hỗ trợ phù hợp với các mục tiêu phát triển nông nghiệp và nông thôn của Việt Nam.

Cuộc làm việc với Thứ trưởng Bộ KH&ĐT Đỗ Thành Trung cũng bàn đến các cơ hội hợp tác giữa ACIAR và Bộ KH&ĐT, tập trung vào nghiên cứu chính sách, đặc biệt trong các lĩnh vực liên quan đến an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính và thu hút đầu tư vào nông nghiệp, phát triển nông thôn.

Các tác động trong thực tế

Chuyến thăm Tây Nguyên đã giúp phái đoàn ACIAR có những trải nghiệm trực tiếp về tác động của các dự án do ACIAR tài trợ. Phái đoàn đã gặp gỡ nông dân, lãnh đạo các hợp tác xã và các nhà nghiên cứu tham gia vào dự án VSCOPE, dự án đầu tư lớn nhất của ACIAR tại Tây Nguyên từ trước tới nay, tập trung vào cải thiện hệ thống canh tác và chuỗi giá trị cà phê và hồ tiêu. Nông dân Đỗ Văn Ánh, người đang tham gia một trong những thử nghiệm tưới tiêu thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu ở huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk, đã chia sẻ những trải nghiệm của ông với thử nghiệm sử dụng thiết bị cảm biến để đo nhu cầu sử dụng nước của cây cà phê trong hệ thống trồng xen canh trong vườn nhà ông. Kết quả ban đầu rất hứa hẹn: trồng xen cây cà phê với các cây trồng như mắc ca, hạt tiêu và sấu

riêng có thể giúp giảm tới 30% lượng nước tưới và mang lại nguồn thu nhập bổ sung.

Trong chuyến thăm, phái đoàn cũng gặp mặt các đối tác của ACIAR gồm Đại học Tây Nguyên, Viện KHKT Nông lâm nghiệp Tây Nguyên (WASI), và gặp lãnh đạo tỉnh Đắk Lắk để thảo luận về các hợp tác trong tương lai và cập nhật về các sáng kiến hỗ trợ nông nghiệp do ACIAR và Aus4Innovation thực hiện tại tỉnh Đắk Lắk.

Phái đoàn cũng đã có dịp gặp gỡ, giao lưu với các cựu sinh và đồng nghiệp đã tham gia các dự án do ACIAR hỗ trợ từ trước đến nay ở khu vực Tây Nguyên.

Trao quyền cho phụ nữ

Trong chuyến thăm, Giáo sư Umberger đã gặp bà Trần Lan Phương, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam để thảo luận về các ý tưởng hợp tác tiềm năng nhằm trao quyền cho các nông dân nữ ở Việt Nam.

Hội LHPN từng là đối tác quan trọng trong các dự án do ACIAR tài trợ nhằm nâng cao chuỗi giá trị rau bền vững, có lợi nhuận cho nữ nông dân ở vùng Tây Bắc, đặc biệt thông qua sản xuất và tiếp thị rau bản địa an toàn.

Các cơ hội hợp tác tiềm năng trong tương lai bao gồm hỗ trợ các doanh nghiệp do phụ nữ lãnh đạo và tăng cường chuỗi giá trị nông nghiệp bằng cách thúc đẩy thương mại và tiêu thụ sản phẩm.

Sự tham gia và đưa tin của truyền thông

Chuyến thăm đã thu hút được sự quan tâm của giới truyền thông, đặc biệt là với chương trình Hợp Đối tác do ACIAR và Bộ NN&PTNT đồng tổ chức. Sự tham gia của báo chí, truyền thông trong suốt chương trình thăm và làm việc của GS Wendy Umberger đã thể hiện mối quan tâm của công chúng dành cho hợp tác Australia – Việt Nam nói chung và ACIAR – Việt Nam nói riêng.



Chuyến thăm thực địa tại tỉnh Sóc Trăng giúp các đại biểu tham dự hội nghị có những trải nghiệm thực tế về tình hình xâm nhập mặn tại ĐBSCL.

Hỗ trợ nông dân chung sống với hạn mặn

Trong tháng 3 năm 2024, các nhà nghiên cứu quốc tế thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau đã họp mặt tại Cần Thơ để tham dự Hội nghị chuyên đề quốc tế về tương lai sống chung với hạn mặn. Hội nghị nhằm thảo luận về những tác động phức tạp của độ mặn đối với các hộ nông dân sản xuất nhỏ trong khu vực.

Hội nghị do Đại học Cần Thơ (CTU) và Đại học Charles Sturt đồng tổ chức với sự hỗ trợ của ACIAR. Đại diện của 3 dự án do ACIAR tài trợ tại Việt Nam, Pakistan và Bangladesh đã tham gia trình bày, chia sẻ kết quả dự án tại hội nghị. Các dự án này đã mang đến cho nông dân thêm các lựa chọn cây trồng mới giúp tăng thu nhập, và các chiến lược quản lý đất và nước phù hợp với khí hậu nhằm giải quyết các thách thức liên quan đến độ mặn tăng cao.

Xâm nhập mặn hiện đang là một thách thức lớn, gây ảnh hưởng nhiều nhất tới các vùng đồng bằng thấp ven sông, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu đang diễn ra ngày một phức tạp. Các đồng bằng lớn ở Việt Nam, Pakistan và Bangladesh đều đang phải đối mặt với các vấn đề về độ mặn diễn ra ngày một thường xuyên và phức tạp hơn, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tài nguyên đất và nước. Những tác động này gây áp lực lớn lên nguồn nước ngọt, an ninh lương thực và sinh kế của hàng triệu nông dân.

Hội nghị diễn ra đúng thời điểm hạn mặn đang diễn ra gay gắt ở ĐBSCL, điều này càng nhấn mạnh tính

cấp thiết của việc nghiên cứu các mô hình thích ứng phù hợp. Hội nghị đã mở ra một diễn đàn để đại diện của 3 dự án được thực hiện tại 4 quốc gia với các điều kiện tự nhiên, xã hội khác nhau cùng trao đổi các kết quả nghiên cứu và bài học kinh nghiệm.

‘Khi giải quyết các thách thức về độ mặn, nhiệm vụ trọng tâm của chúng ta không chỉ là giải quyết các vấn đề về sinh học mà còn cả việc cải thiện sinh kế cho người dân. Chúng ta phải cân bằng giữa nghiên cứu về kỹ thuật, chính sách, cộng đồng và khả năng nhân rộng kết quả. Thông qua các nghiên cứu thực tế, chúng ta biết các hệ thống thực phẩm đang thay đổi như thế nào và cách thích ứng của các cộng đồng chịu ảnh hưởng bởi hạn mặn. Mỗi một nhóm nghiên cứu đang làm việc cùng với cộng đồng để tìm ra các hệ thống canh tác tích hợp phù hợp hơn, cũng như tìm ra thị trường tiềm năng cho các sản phẩm mới và các vấn đề phi nông nghiệp khác,’ TS Neil Lazarow, Giám đốc Chương trình Nghiên cứu Nước của ACIAR cho biết.

Hạn mặn xảy ra là do các hiện tượng biến đổi khí hậu như hạn hán, mực nước biển dâng và các yếu tố do con người gây ra như quản lý nước không hiệu quả. ‘Vì vậy, các giải pháp chống mặn phải mang tính toàn diện, liên ngành, lấy sinh kế và lợi

ích kinh tế của người nông dân làm trung tâm,’ TS Nguyễn Văn Bộ, Thành viên Hội đồng cố vấn chính sách về nghiên cứu nông nghiệp quốc tế của Australia, cho biết. ‘Mặt khác, chúng ta cũng nên coi xâm nhập mặn là một cơ hội; trong một số trường hợp, nước mặn có thể trở thành một nguồn tài nguyên,’ ông nói thêm.

Hội nghị đã cung cấp cho nông dân và các nhà khoa học trong khu vực những kiến thức và dự báo chuyên sâu về biến đổi khí hậu trong tương lai, đồng thời giới thiệu các phương pháp và thiết bị cần thiết giúp nông dân giảm thiểu rủi ro trong canh tác và giúp các nhà khoa học xây dựng hệ thống quản lý tài nguyên thiên nhiên cho các khu vực đồng bằng.

TS Veronica Doerr, Giám đốc Chương trình Nghiên cứu Biến đổi khí hậu của ACIAR, nhấn mạnh sự cần thiết của việc đặt vấn đề nghiên cứu trong hoàn cảnh biến đổi khí hậu sẽ tiếp tục gia tăng. Bà đặt ra câu hỏi: ‘Các nghiên cứu trong tương lai có nên tiếp tục tập trung vào việc nâng cao khả năng chống chịu của các hệ thống canh tác hiện tại, hay chúng ta cần tính đến các phương án chuyển đổi sang các sản phẩm và hệ thống canh tác mới? Đây là những câu hỏi quan trọng cần chúng ta tìm ra câu trả lời.’

Hội nghị cũng là nơi kết nối các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao kiến thức khoa học cho các lãnh đạo, nhà quản lý địa phương, quốc gia và khu vực. Mục tiêu là cải thiện khả năng thích ứng và phục hồi trong lĩnh vực nông nghiệp ở những nơi chịu ảnh hưởng của xâm nhập mặn, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững và bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên.

TS Trần Ngọc Hải, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ, chia sẻ: ‘Trong bối cảnh biến đổi khí hậu và xâm nhập mặn diễn biến ngày càng phức tạp ở vùng ĐBSCL, Trường Đại học Cần Thơ luôn chú trọng việc cải thiện, nâng cấp nguồn nhân lực, hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học đất và biến đổi khí hậu, hướng đến nâng cao khả năng thích ứng và phát triển bền vững vùng ĐBSCL.’

Đặc biệt, các nhà khoa học tham gia hội nghị đã có một chuyến thăm thực địa đến một số khu vực bị ảnh hưởng nặng nề nhất bởi hạn mặn ở ĐBSCL. Sau chuyến đi, các nhà khoa học đã sôi nổi thảo luận về chiến lược thích ứng gắn kết chặt chẽ hơn với tình hình thực tế, hướng tới xây dựng các cộng đồng bền vững, kiên cường sống chung với hạn mặn.

Hội nghị chuyên đề quốc tế về tương lai hạn mặn là cánh cửa mở ra tương lai nơi các cộng đồng phát triển hài hòa với môi trường sống của họ.

Các dự án do ACIAR tài trợ được trình bày tại hội nghị:

- Các phương án cây trồng thay thế trên nền đất lúa bị xâm nhập mặn ở ĐBSCL, Việt Nam (SLAM/2018/144).
- Các hệ thống trồng trọt thâm canh ở khu vực bờ biển chịu ảnh hưởng của xâm nhập mặn ở Bangladesh và Tây Bengal, Ấn Độ (LWR/2014/073).
- Thích ứng với xâm nhập mặn ở phía nam lưu vực sông Indus (LWR/2017/037).



Phần trưng bày poster trong hội nghị giúp các đại biểu tìm hiểu được nhiều nội dung nghiên cứu khác nhau của các dự án.



Đại sứ Kristine Tilley ghé thăm các gian hàng các dự án do ACIAR tài trợ nhằm giải quyết vấn đề BĐKH ở Việt Nam.

Đại sứ về Biến đổi khí hậu của Australia gặp gỡ các đối tác ACIAR tại Việt Nam

Từ ngày 12 đến ngày 17 tháng 4 năm 2024, Đại sứ về Biến đổi Khí hậu (BĐKH) của Australia, bà Kristin Tilley, đã đến thăm Việt Nam để thúc đẩy hợp tác và tăng cường cam kết song phương về khí hậu và năng lượng, đặc biệt sau khi hai nước nâng cấp mối quan hệ song phương lên Đối tác Chiến lược Toàn diện, trong đó bao gồm trụ cột chuyên biệt về năng lượng và khí hậu.

Tại Cần Thơ, Đại sứ Tilley đã gặp gỡ và trao đổi với các nhà nghiên cứu, đại diện doanh nghiệp và nông dân đang tham gia trong các dự án do ACIAR tài trợ nhằm nâng cao khả năng thích ứng và phục hồi khí hậu ở Việt Nam, đặc biệt là ở khu vực ĐBSCL và Tây Nguyên. Đại diện ACIAR và các đối tác nghiên cứu đã có cơ hội tiếp xúc với bà trong buổi triển lãm tại trường Đại học Cần Thơ

nhằm giới thiệu một số dự án nổi bật ACIAR hiện đang hỗ trợ.

Triển lãm bao gồm các bài trình bày về hệ thống tưới thông minh thích ứng với BĐKH cho cà phê và hồ tiêu, nghiên cứu các giống lúa ngắn ngày và các loại cây trồng thay thế có thể phát triển trong điều kiện xâm nhập mặn và các chiến lược thu hút nông dân trồng lúa quy mô nhỏ tham gia vào các thị trường xuất khẩu. Ngoài ra, triển lãm cũng giới thiệu các dự án mới nghiên cứu về những mô hình kinh tế tiềm năng từ rừng ngập mặn và các mô hình định lượng phát thải khí nhà kính và giá trị kinh tế tương đương của mỗi tấn khí phát thải nhằm hỗ trợ các nhà hoạch định chính sách Việt Nam trong việc thực hiện cam kết phát thải ròng bằng 0.

Các dự án này nêu bật nỗ lực hợp tác của các nhà khoa học Việt Nam, Australia và quốc tế nhằm phát triển các giải pháp phù hợp cho các vấn đề và mức độ tác động khác nhau do BĐKH ở Việt Nam.

Đại sứ đã có những trao đổi sâu sắc với nông dân và doanh nghiệp địa phương về những thách thức của họ, và trò chuyện với các nhà nghiên cứu về tầm quan trọng của các phương pháp tiếp cận phù hợp nhằm đảm bảo phát triển nông nghiệp và sinh kế bền vững cho nông dân.

‘Tôi tự hào rằng quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện Australia-Việt Nam có riêng một trụ cột chuyên biệt cho hợp tác về BĐKH và năng lượng – đây là lần đầu tiên Australia có riêng một trụ cột cho lĩnh vực này. Cam kết mạnh mẽ này là thông điệp gửi tới khu vực và thế giới rằng Việt Nam và Australia thấy rõ tác động của cuộc khủng hoảng khí hậu và tầm quan trọng của việc giải quyết triệt để các thách thức và tận dụng các cơ hội để củng cố nền kinh tế,’ Đại sứ Tilley chia sẻ.

Danh sách các dự án ACIAR tham gia buổi triển lãm tại Cần Thơ ngày 13/4/2024:

- **SLAM/2018/144:** Các phương án cây trồng thay thế trên nền đất lúa bị nhiễm mặn ở ĐBSCL
- **CLIM/2019/150:** Quản lý khí nhà kính và giảm thiểu phát thải trong canh tác lúa
- **AGB/2019/153:** Chuỗi giá trị gạo bền vững cho nông hộ nhỏ ở ĐBSCL
- **AGB/2018/175:** Chuỗi giá trị bền vững cho cà phê, hồ tiêu ở Tây Nguyên
- **SSS/2024/107:** Vấn đề kinh tế của việc giảm phát thải khí nhà kính trong sản xuất lúa ở Việt Nam
- **CLIM/2023/190:** Các mô hình kinh tế tiềm năng từ rừng ngập mặn

Một số thông tin về BĐKH ở Việt Nam

- Việt Nam đứng thứ 6 trên thế giới về mức độ dễ bị tổn thương do BĐKH và các hiện tượng thời tiết cực đoan, theo Global Climate Risk Index 2020.
- Nhiệt độ cực đoan được dự báo sẽ tăng đáng kể ở Việt Nam, dẫn đến tác động ngày càng tăng lên sức khỏe, sinh kế và hệ sinh thái. Đặc biệt, những khu vực dễ tổn thương nhất là các vùng đồng bằng có địa hình thấp, nơi tác động của nhiệt độ sẽ tăng lên do mực nước biển dâng, xâm nhập mặn, lốc xoáy và bão lớn.
- ĐBSCL là khu vực dễ bị tổn thương nhất, với thiệt hại kinh tế ước tính khoảng 10 tỷ USD vào năm 2020 do BĐKH và dự kiến sẽ tiếp tục tăng lên thành 17 tỷ USD vào năm 2030 nếu không có hành động quan trọng nào được thực hiện.
- Mực nước biển dâng và xâm nhập mặn đặc biệt đe dọa ĐBSCL khi nước mặn đã xâm nhập sâu vào đất liền tới 50km. Trong thập kỷ tới, dự kiến sẽ có từ 6 đến 12 triệu người phải di dời vĩnh viễn khỏi nơi ở hiện tại do ảnh hưởng của xâm nhập mặn.
- Việt Nam cam kết đạt mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 và đưa các hành động giảm phát thải nông nghiệp vào Đóng góp do quốc gia tự quyết (NDC), tập trung vào lĩnh vực lúa gạo và chăn nuôi. Điều này cho thấy các nỗ lực chính sách tập trung vào giảm nhẹ bên cạnh những quan tâm về vấn đề thích ứng như đã nêu trên.

Ra mắt Liên minh đổi mới sáng tạo chăn nuôi lợn an toàn sinh học

Vũ Hương Mai và Jennifer Manyweathers



Ngành chăn nuôi Việt Nam gần đây phải liên tục đối mặt với nhiều thách thức, từ bùng phát dịch bệnh cho đến các biến động do đại dịch COVID-19 gây ra và chi phí thức ăn chăn nuôi tăng vọt. Đặc biệt, dịch tả lợn Châu Phi đã khiến 6 triệu con lợn bị chết và tiêu hủy trong năm 2019, khiến chuỗi cung ứng liên tục bị đứt gãy.

Tháng 6 năm 2024, Australia và Việt Nam đã triển khai một chương trình hợp tác quan trọng nhằm bảo vệ ngành chăn nuôi lợn của Việt Nam. Liên minh Đổi mới Sáng tạo Chăn nuôi lợn an toàn sinh học là kết quả hợp tác giữa Cơ quan Khoa học Quốc gia Australia - CSIRO và Viện Chăn nuôi trong khuôn khổ Chương trình Aus4Innovation với mục tiêu thiết lập một Liên minh nhằm tạo nền tảng hỗ trợ đổi mới sáng tạo trong ngành chăn nuôi lợn.

Liên minh tập hợp tất cả các bên liên quan trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong ngành chăn nuôi lợn để cùng hợp tác nhằm cải thiện sức khỏe động vật và an toàn sinh học của ngành, trong đó chủ yếu là các hộ chăn nuôi lợn quy mô nhỏ.

Nhu cầu tăng cường khả năng phòng chống của ngành chăn nuôi lợn của Việt Nam đối với dịch tả lợn Châu Phi hiện trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Do thiếu các biện pháp an toàn sinh học, dịch bệnh đang khiến các hộ chăn nuôi nhỏ, chiếm hơn 80% toàn ngành, rơi vào hoàn cảnh khó khăn. CSIRO và Đại học Charles Sturt đã hợp tác với các chuyên gia của Viện Chăn nuôi thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thực hiện một nghiên cứu nhằm hiểu rõ hơn về tính dễ bị tổn thương của các hộ chăn nuôi lợn quy mô nhỏ trước các rủi ro dịch bệnh như dịch tả lợn Châu Phi.

Nhóm nghiên cứu đa ngành gồm các chuyên gia về bệnh và khả năng phục hồi, thú y, thống kê,

tâm lý học, địa nhân học và sức khỏe động vật của Australia và Việt Nam đã áp dụng một phương pháp tiếp cận mà trước đó đã được thử nghiệm tại Australia nhằm giúp các hộ chăn nuôi nhỏ cải thiện việc giám sát các rủi ro về an toàn sinh học và dịch bệnh, ví dụ như bệnh lở mồm long móng. Cách tiếp cận này giúp nhóm nghiên cứu hiểu rõ tác động của cách suy nghĩ và các thực hành hiện nay lên khả năng phơi nhiễm với dịch tả lợn châu Phi, khả năng ứng phó nhanh chóng, hiệu quả của các hộ chăn nuôi nhỏ đối với dịch bệnh ở ba tỉnh phía Bắc của Việt Nam là Hà Nam, Bắc Giang và Hoà Bình.

Nghiên cứu được thực hiện trên 162 hộ chăn nuôi đã xác định ba yếu tố nguy cơ làm tăng khả năng lây nhiễm bệnh là: khoảng cách giữa các trang trại lân cận, tần suất kiểm tra chất lượng nước và quy trình làm sạch/khử trùng các phương tiện.

Xây dựng sự hiểu biết chung về rủi ro và tính dễ bị tổn thương của các hộ chăn nuôi nhỏ trước dịch bệnh có ý nghĩa rất quan trọng với Liên minh, với thành viên là đại diện của Bộ NN&PTNN, các Sở NN&PTNT, Hội Nông dân, nhà nghiên cứu và khu vực tư nhân, ví dụ như các công ty thức ăn chăn nuôi. Trên cơ sở đó, Liên minh có thể xây dựng lộ trình thực hiện các hành động chung giúp các hộ chăn nuôi nhỏ tiếp cận thực hành an toàn sinh học. Ngoài ra, sự kết nối mạnh mẽ giữa các bên liên quan là chìa khóa để nâng cao năng lực của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo nhằm ứng phó hiệu quả với các cú sốc về sức khỏe và an toàn sinh học như dịch tả lợn Châu Phi.

Liên hệ:

Vũ Hương Mai, Quản lý Đối tác, Chương trình Aus4Innovation, Huongmai.Vu@csiro.au

Thích ứng với thay đổi: nỗ lực hợp tác hỗ trợ người nuôi tôm ở ĐBSCL

Nguyễn Nguyên Minh và Jennifer Kelly



ĐBSCL là trái tim của ngành nuôi trồng thủy sản Việt Nam, cung cấp 70% sản lượng cho ngành và đóng góp tới 1/3 GDP của toàn ngành nông nghiệp. Phát triển nuôi trồng thủy sản cũng là một trong những ưu tiên nông nghiệp hàng đầu của quốc gia, tuy nhiên, trong quá trình phát triển ngành một cách bền vững và cạnh tranh, ĐBSCL hiện đang phải đối mặt với những thách thức như biến đổi khí hậu (BĐKH), biến động thị trường, khan hiếm nước và ô nhiễm môi trường. Cùng với đó là dịch bệnh và quá trình chuyển đổi số đang tác động đến tất cả những người tham gia trong chuỗi giá trị, từ nông hộ nhỏ đến các tập đoàn chế biến quốc gia.

Để hỗ trợ phát triển bền vững, Chương trình Aus4Innovation đã phối hợp với Đại học Cần Thơ chính thức khởi động Tổ nhóm Đổi mới sáng tạo trong nuôi trồng thủy sản Mê Kông (MAIC) vào năm 2022. Sáng kiến này là một phần quan trọng trong Chương trình Phát triển Bền vững 2045 cho ĐBSCL (SDMD-2045) của Đại học Cần Thơ, cung cấp nền tảng cho các tác nhân trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo cùng nhau giải quyết các thách thức đối với phát triển bền vững trong khu vực.

MAIC tập trung vào việc thúc đẩy đổi mới và tạo lợi thế cạnh tranh cho ngành tôm thông qua các nguyên tắc kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi số, tăng trưởng xanh và hành động thích nghi với BĐKH. Với hơn 550 thành viên, MAIC thúc đẩy sự hợp tác và đổi mới giữa người nuôi tôm, hợp tác xã, các cơ quan nghiên cứu, chính quyền địa phương và doanh nghiệp để chia sẻ kiến thức và xác định các hành động ưu tiên cho ngành nuôi trồng thủy sản. Mục tiêu của MAIC là giúp ngành nuôi trồng thủy sản nâng cao khả năng chống chịu và thích nghi với các thay đổi bằng các hoạt

động phát triển bền vững trong tương lai.

Kể từ năm 2023, MAIC đã tập trung vào các khóa đào tạo người nuôi tôm chuyên nghiệp nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp của ngành thông qua sự chia sẻ hiểu biết, kinh nghiệm của các chuyên gia hàng đầu của Đại học Cần Thơ, thăm quan các phòng thí nghiệm hiện đại và tìm hiểu chuyên sâu về các chủ đề như nuôi tôm công nghệ cao bền vững, quản lý sức khỏe và thực phẩm dinh dưỡng cho tôm, du lịch sinh thái và kinh tế thủy sản. Người tham gia khóa học chia sẻ đã thu nhận được những kiến thức sâu rộng thông qua khóa đào tạo.

'Khi chương trình kết thúc, chúng tôi có thêm kiến thức, kinh nghiệm về nuôi tôm và quản lý nuôi tôm. Chúng tôi sẽ cố gắng truyền đạt lại kiến thức này cho những nông dân nuôi tôm khác như mong muốn của Đại học Cần Thơ và dự án,' một người tham gia cho biết.

Các nội dung về bình đẳng giới, người khuyết tật và hòa nhập xã hội (GEDSI) cũng đã được đưa vào các khóa học này để đảm bảo sự phát triển toàn diện của ngành.

Chương trình đào tạo hiện đã được thực hiện cho một số tỉnh ven biển bao gồm Sóc Trăng, Cà Mau, Bạc Liêu và Bến Tre, với sự đồng hỗ trợ của Cơ quan Phát triển Đức (GIZ). Hơn 170 nông dân, cán bộ địa phương và doanh nghiệp đã tham gia, dự kiến sẽ có thêm nhiều khóa đào tạo cho Tiền Giang, Kiên Giang, Trà Vinh và Long An.

Mọi người tham gia MAIC không chỉ nhằm nâng cao kỹ năng và kiến thức cá nhân mà còn để trở thành một phần trong hành trình chuyển đổi của ngành nuôi tôm và góp phần xây dựng khả năng chống chịu trước BĐKH và phát triển bền vững của ĐBSCL.

Hoạt động này là một phần quan trọng của Chương trình Aus4Innovation trị giá 33.5 triệu đô la Úc và kéo dài 10 năm (2018-2028) nhằm tăng cường hệ thống đổi mới sáng tạo của Việt Nam, hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội toàn diện và bền vững. Chương trình do Bộ Ngoại giao và Thương mại Australia (DFAT) và Cơ quan Khoa học Quốc gia của Australia (CSIRO) đồng tài trợ và quản lý với đối tác chiến lược là Bộ Khoa học và Công nghệ của Việt Nam.

Liên hệ:

TS Nguyễn Nguyên Minh, Chuyên gia nghiên cứu cấp cao, CSIRO, minh.nguyen@csiro.au

Gieo trồng những hạt giống tạo sự thay đổi trong chuỗi giá trị lúa gạo

Tháng 3 năm 2024, khi Thủ tướng Australia và Việt Nam chính thức nâng cấp quan hệ giữa hai quốc gia lên Đối tác Chiến lược Toàn diện (CSP) tại Melbourne cũng là lúc người nông dân tại ĐBSCL chuẩn bị cho vụ mùa đầu tiên thuộc dự án Chuyển đổi chuỗi giá trị lúa gạo (TRVC).

TRVC do Tổ chức Phát triển Hà Lan (SNV) triển khai thực hiện tại tỉnh Đồng Tháp, An Giang và Kiên Giang. Đây là một trong những chương trình đầu tiên được triển khai trong khuôn khổ Đối tác Chiến lược Toàn diện Australia - Việt Nam. Đây cũng là lần đầu tiên Australia có riêng một hợp phần về hợp tác biến đổi khí hậu (BĐKH) trong chương trình đối tác chiến lược toàn diện.

TRVC sử dụng cơ chế 'Chi trả theo kết quả' (PFRs) để thu hút sự tham gia của các doanh nghiệp tư nhân trong chuỗi giá trị lúa gạo, nhằm mục tiêu nhân rộng các công nghệ tiên tiến mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn cho người nông dân trồng lúa quy mô nhỏ và các tác nhân khác trong chuỗi lúa gạo, nâng cao chất lượng gạo và sự tham gia của các tác nhân, đồng thời mang đến các lợi ích khác như: giảm phát thải khí nhà kính và dấu chân carbon (bao gồm khí methane và khí nitơ oxit). Các khí này góp phần gây ra tình trạng phát thải khí nhà kính toàn cầu và gia tăng các hình thái thời tiết cực đoan liên quan tới BĐKH như hạn hán và lũ lụt. Dự án sẽ đóng vai trò tiên phong trong việc chuyển đổi sản xuất và thương mại lúa gạo theo hướng bền vững, đem lại các giá trị bao trùm tại các tỉnh sản xuất lúa gạo trọng điểm của Việt Nam, đóng góp tích cực cho sự phát triển bền vững và thích ứng với BĐKH tại ĐBSCL.

Trong vụ mùa đầu tiên của năm 2024, đã có 9 công ty và 1.711 nông dân trồng lúa quy mô nhỏ tham gia tiến hành các hoạt động giảm phát thải khí nhà kính trên khoảng 6.173 ha. Đây là vụ mùa đầu tiên trong 6 vụ mùa và dự kiến dự án sẽ có khoảng 200.000 ha trồng lúa giảm phát thải trong toàn bộ thời gian thực hiện. Dự án cũng đang phối hợp chặt chẽ với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong thực

hiện các nỗ lực quốc gia nhằm giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực nông nghiệp, nơi chiếm tới 30% lượng phát thải khí nhà kính của Việt Nam. Các hoạt động phối hợp bao gồm chia sẻ kinh nghiệm và đóng góp cho dự án 1 triệu ha lúa giảm phát thải chất lượng cao.

Kể từ khi dự án TRVC bắt đầu triển khai vào tháng 1 năm 2024, rất nhiều hoạt động đã được thực hiện trước khi bước vào vụ mùa đầu tiên, bao gồm lựa chọn các công ty tham gia trong chuỗi giá trị lúa gạo, các công ty tham gia đăng ký diện tích trồng lúa giảm phát thải và số lượng hộ gia đình trồng lúa. Ngoài ra, 3 Ban quản lý dự án đã được thành lập tại các tỉnh nhằm hỗ trợ thực hiện dự án và phối hợp giữa các bên tham gia.

Trong suốt 6 mùa vụ, dự án sẽ triển khai hàng loạt các kỹ thuật canh tác lúa, bao gồm: thay đổi lượng phân bón sử dụng, quản lý phụ phẩm từ cây lúa, quản lý lượng nước, lựa chọn giống lúa cho các tỉnh ĐBSCL, với mục tiêu giảm hơn 200.000 tấn CO₂, giảm 20-40% lượng nước tiêu thụ, 20-30% phân bón hóa học và thuốc trừ sâu, đồng thời tăng biên lợi nhuận từ 20-30% cho người nông dân.

Một điểm nổi bật của dự án TRVC là sự lồng ghép giới, bình đẳng, các vấn đề về khuyết tật và hòa nhập xã hội (GEDSI) trong các hoạt động dự án trên thực tế. Các công ty tham gia trong vụ mùa đầu tiên đều buộc phải đạt các yêu cầu về GEDSI. Dự án cũng đã bổ sung các hoạt động trước cuộc thi nhằm thúc đẩy GEDSI và các yêu cầu về môi trường và xã hội, nhằm đảm bảo dự án sẽ đạt được các kết quả công bằng và mang tính bao trùm.

Khởi động vụ mùa đầu tiên là cột mốc cho quá trình thực hiện dự án TRVC trong hành trình 5 năm giúp hàng nghìn nông dân trồng lúa chuyển đổi phương thức canh tác, hướng tới trồng lúa giảm phát thải và thích ứng với BĐKH tại ĐBSCL.

Liên hệ:

James Deane, Bí thư thứ hai, Bộ phận Phát triển, james.deane@dfat.gov.au





Xây dựng lộ trình nghiên cứu phát triển bền vững cây có múi ở Việt Nam

Nguyễn Thu Hương, Văn phòng ACIAR Việt Nam.
Dự án ACIAR: HORT/2023/179

Một sáng kiến mới do ACIAR tài trợ (HORT/2023/179) sẽ nghiên cứu các cơ hội nhằm thúc đẩy sản xuất và xuất khẩu cây có múi của Việt Nam.

Cây có múi là đối tượng cây trồng quan trọng, đóng góp hơn 21% tổng sản lượng ngành trái cây của Việt Nam. Cây có múi vốn phục vụ chủ yếu cho thị trường nội địa, nhưng những năm gần đây đã có sự gia tăng đáng kể về giá trị xuất khẩu, với các sản phẩm chủ lực như bưởi và chanh đã tăng giá trị xuất khẩu gấp 5 lần trong vòng 8 năm. Trong thời gian tới, Việt Nam đặt mục tiêu tiếp tục nâng cao giá trị xuất khẩu của cây có múi.

Nông dân sản xuất nhỏ được kỳ vọng sẽ đóng một vai trò quan trọng trong việc phát triển ngành cây có múi, tuy nhiên trong thực tế, bà con đang gặp phải nhiều thách thức, ví dụ như giống cây chất lượng kém, sâu bệnh phá hoại, suy thoái đất, và biến động giá cả, thị trường. Những vấn đề này đã khiến nhiều cây chết sớm, nông dân phải bỏ vườn trồng và chịu nhiều thiệt hại về kinh tế.

Tiến sĩ Irene Kernot, Giám đốc Chương trình Nghiên cứu Trồng trọt của ACIAR, ghi nhận các tác động

đáng kể nói trên đối với nông dân. Trong chuyến thăm Việt Nam vào tháng 11 năm 2023, bà đã thấy nhiều nông dân xóa bỏ vườn cây có múi và chuyển sang các cây trồng khác để đảm bảo thu nhập

‘Những thách thức hiện tại khiến nông dân trở nên thận trọng hơn trong việc đầu tư vào cây có múi. Dự án mới này do các đối tác nghiên cứu Việt Nam đề xuất và chủ trì thực hiện sẽ giúp tìm ra hướng giải quyết các khó khăn nói trên. Dự án sẽ tiếp cận vấn đề một cách toàn diện để xây dựng một lộ trình nghiên cứu đầy đủ, nhằm giải quyết các vấn đề phức tạp người dân đang phải đối mặt,’ bà nói.

Với mục đích xây dựng lộ trình nghiên cứu để phát triển bền vững ngành cây có múi, dự án sẽ hỗ trợ các nhà quản lý và hoạch định chính sách trong việc hiện thực hóa các mục tiêu phát triển ngành trong thời gian tới.

Giám đốc dự án là TS Nguyễn Văn Liêm, Giám đốc Viện Nghiên cứu Bảo vệ Thực vật. Ông nhấn mạnh sự cần thiết phải có một phương pháp tiếp cận tổng hợp và toàn diện trong nghiên cứu cây có múi để giải quyết các rào cản hiện tại đối với sự phát triển của ngành.

Việt Nam đã thực hiện nhiều nghiên cứu về cây có múi, nhưng chủ yếu về phát triển và thử nghiệm các kỹ thuật riêng lẻ. Theo TS Liêm, Việt Nam vẫn cần hoàn thiện năng lực để thực hiện các nghiên cứu đa ngành.

‘Chúng tôi cần tập hợp các chuyên gia trong các lĩnh vực giống, sức khỏe đất, quản lý sâu bệnh, thiết kế vườn cây ăn trái cho đến tiếp thị, kinh doanh nông nghiệp để giải quyết các vấn đề mà ngành cây có múi đang phải đối mặt.’

‘Chúng tôi sẽ xây dựng một lộ trình nghiên cứu nhằm xác định nguyên nhân khiến số lượng vườn cây sụt giảm, các biện pháp phục hồi phù hợp với điều kiện của mỗi địa phương mục tiêu, tìm hiểu cơ hội thị trường và phát triển các chiến lược phát triển thích ứng với biến đổi khí hậu. Lộ trình nghiên cứu này sẽ góp phần đảm bảo an ninh lương thực, dinh dưỡng và cải thiện sinh kế cho người dân Việt Nam.’

Australia có bề dày hơn 60 năm kinh nghiệm về phát triển cây có múi, loại trái cây tươi xuất khẩu có giá trị lớn nhất của Australia với kim ngạch khoảng 400 triệu đô la Úc/năm. Australia là đối tác hoàn hảo để hỗ trợ Việt Nam xây dựng nền tảng để phát triển ngành cây có múi.

TS Kernot cho biết: ‘Với sự tham gia của các chuyên gia người Australia trong dự án, chúng tôi mong muốn xây dựng năng lực cốt lõi cho các nhà nghiên cứu người Việt để thực hành các nghiên cứu đa ngành. Điều này sẽ mang lại những hỗ trợ cần thiết và kịp thời trong việc thiết kế và thực hiện các chiến lược phát triển cây có múi ở Việt Nam.’

Mục tiêu xây dựng năng lực này cũng phù hợp với Chính sách phát triển quốc tế của Australia trong việc tối đa hóa các giá trị chuyên môn của Australia.

TS Kernot cũng cho biết thêm: ‘Nghiên cứu này cũng sẽ cung cấp thông tin về các hợp tác trong tương lai giữa ACIAR và Việt Nam về cây có múi, với mục tiêu cuối cùng là tạo ra cuộc sống tốt đẹp hơn cho các cộng đồng nông dân sản xuất nhỏ.’

Liên hệ:

Giám đốc dự án: TS Nguyễn Văn Liêm, Viện Bảo vệ Thực vật, nguyenvanliem@yahoo.com



Đại diện ACIAR và các nhà nghiên cứu thăm một vườn cam ở Hòa Bình trong chuyến công tác đánh giá tình hình trước khi dự án bắt đầu.

Từ nông dân tới thương nhân: hành trình đặc biệt của ông Trần Phước Nhân

Nguyễn Hồng Tín, Nguyễn Hải Minh, Gomathy Palaniappan, Lê Kim Ngân,
Nguyễn Thị Kim Thoa và Jaquie Mitchell. Dự án ACIAR: AGB/2019/153.

Dự án nghiên cứu và phát triển do ACIAR và Tập đoàn SunRice đồng tài trợ nhằm mục tiêu thiết lập chuỗi giá trị năng suất cao, bền vững, đảm bảo chất lượng và có khả năng truy xuất nguồn gốc cho các giống gạo nhiệt đới hạt ngắn ở ĐBSCL, mang lại lợi ích cho các hộ nông dân sản xuất nhỏ và đáp ứng được các yêu cầu của các thị trường quốc tế của SunRice.

Tháng 5 năm 2024, bà con nông dân ở ấp Ninh Thạnh, xã An Tức, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang hoan hore bước vào vụ thu hoạch hè thu, đặc biệt là anh Trần Phước Nhân. Vụ này, anh Nhân đã có thêm thu nhập từ các hoạt động thu gom, mua bán thóc bên cạnh thu nhập từ trồng lúa.

Hành trình từ một nông dân trồng lúa trở thành một thương nhân của anh Nhân là câu chuyện thành công nổi tiếng trong vùng. Anh đã truyền cảm hứng cho rất nhiều nông dân địa phương và đóng góp vào việc cải thiện mức sống của cộng đồng, đa dạng hóa sinh kế và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Anh Nhân có kinh nghiệm hơn 20 năm trồng lúa, với hơn 60 ha đất lúa ở Kiên Giang và 18 ha ở An Giang. Mỗi năm, gia đình anh trồng 3 vụ với các giống lúa khác nhau như DT8, OM18, OM5451 ở An Giang và DS1 ở Kiên Giang.



Anh Nhân trên mảnh ruộng của mình trong vụ đông xuân 2023.
Ảnh: Trường Đại học Cần Thơ.

Trước năm 2020, anh Nhân thường bán lúa cho nhiều thương lái, công ty lúa gạo ở địa phương mà không có hợp đồng chính thức, dẫn đến kinh doanh thiếu bền vững. Anh luôn mong muốn có cơ hội hợp tác với các công ty gạo uy tín. Sau đó, nhờ có hệ thống khuyến nông địa phương, anh được giới thiệu với Tập đoàn SunRice trong năm 2021 và dự án Phát triển chuỗi giá trị lúa gạo bền vững ở ĐBSCL (AGB/2019/153) trong năm 2022.

Theo hợp đồng canh tác thí điểm với Tập đoàn SunRice, anh Nhân bước đầu trồng lúa trên diện tích 8 ha và tham gia mô hình trình diễn kỹ thuật với Đại học Cần Thơ về quản lý dịch hại tổng hợp trên diện tích 0,5 ha, nhằm đạt được tiêu chuẩn về giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật tối đa cho phép (MRL).

Vụ đông xuân 2024, anh Nhân ký hợp đồng với Tập đoàn SunRice canh tác lúa trên diện tích 18 ha và điều phối việc canh tác của các nông dân khác trong nhóm của mình, tổng cộng anh quản lý 155 ha lúa. Họ đã cung cấp hơn 1.150 tấn thóc cho Tập đoàn SunRice. Đặc biệt, khoảng 60% diện tích canh tác theo hợp đồng do anh Nhân quản lý đều đáp ứng tiêu chuẩn MRL, thu được mức giá cao hơn 300 đồng/kg thóc.

Anh Nhân chia sẻ: 'Trong 2 năm qua, nhờ sự hỗ trợ của dự án, kinh nghiệm và uy tín của tôi với người dân trong vùng đã tăng lên đáng kể. Nhờ vậy, tôi có thể điều phối việc vận chuyển và cung cấp thóc

cho các công ty thu mua ở địa phương và các tỉnh khác ở ĐBSCL.'

Mỗi vụ, anh Nhân cung cấp khoảng 5.000-6.000 tấn thóc cho các công ty sản xuất lúa gạo, đáp ứng nhu cầu của các hộ nông dân sản xuất nhỏ và cung cấp cho các đơn vị đa dạng các loại gạo.

'Nhờ dự án hỗ trợ với hợp đồng trồng lúa và các hoạt động mua bán, thu nhập của tôi đã tăng lên đáng kể, từ đó chất lượng cuộc sống của gia đình cũng tốt hơn nhiều. Tôi đang xây nhà mới và đầu tư cho việc học đại học của các con. Ngoài thành công của bản thân, tôi đã chia sẻ kỹ thuật canh tác với các nông dân khác trong cộng đồng, khuyến khích họ ký hợp đồng với Tập đoàn SunRice để đảm bảo đầu ra ổn định,' anh Nhân nói.

Sắp tới, anh Nhân có kế hoạch mở rộng hoạt động kinh doanh, mở rộng mạng lưới, tiếp cận các thị trường mới và tiếp tục đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng. Thành công của anh không chỉ mang lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho gia đình anh mà còn truyền cảm hứng cho nhiều nông dân khác. Nông dân trong vùng đã nhìn ra tiềm năng trong việc kết hợp trồng lúa với buôn bán, thúc đẩy sự phát triển của địa phương.

Anh Nhân là tấm gương của người nông dân thời đại mới, dám nghĩ, dám làm.

Liên hệ:

Giám đốc dự án, TS Jaquie Mitchell, jaquie.mitchell@uq.edu.au
 Phụ trách hoạt động, TS Nguyễn Hồng Tin, nhtin@ctu.edu.vn



Anh Trần Phước Nhân (đầu tiên bên phải) chụp ảnh cùng nhóm dự án. Ảnh: Trường Đại học Cần Thơ.

Thúc đẩy canh tác bền vững và hỗ trợ sinh kế tại Tây Nguyên



Đại sứ Australia tại Việt Nam Andrew Goledzinowski (phải) và TS Clément Rigal của CIRAD thăm thí nghiệm sap-flow thuộc dự án VSCOPE. Ảnh: Dự án VSCOPE.

Nhóm Dự án V-SCOPE,
AGB/2018/175.



Thật khác biệt khi chứng kiến những gì đang diễn ra trên thực địa tại Tây Nguyên.

Đại sứ Australia tại Việt Nam
Andrew Goledzinowski



Đó là chia sẻ của Đại sứ Australia tại Việt Nam, Ngài Andrew Goledzinowski, trên tài khoản mạng xã hội X (Twitter) của mình khi ông tới thăm địa bàn dự án V-SCOPE do ACIAR tài trợ trong chuyến thăm làm việc chính thức tại tỉnh Đắk Lắk vào đầu tháng 5 năm 2024. Tham gia chuyến đi này còn có GS Wendy Umberger, Tổng Giám đốc điều hành ACIAR.

V-SCOPE là dự án đầu tư quan trọng của ACIAR tại khu vực Tây Nguyên, theo định hướng Chiến lược hợp tác nghiên cứu ACIAR – Việt Nam giai đoạn 2017 - 2027. Dự án tập trung vào tăng cường hệ thống canh tác và chuỗi giá trị cho cà phê và hồ tiêu.

Trong năm 2023, những kết quả nghiên cứu ban đầu cho thấy tiềm năng tiết kiệm nước tưới



Trạm thời tiết tại một khu vực thí nghiệm của dự án V-SCOPE.
Ảnh: Dự án V-SCOPE.

với cây cà phê ở Buôn Ma Thuột và Krông Năng thông qua thí nghiệm đo lường nhu cầu nước tưới của cây cà phê. Theo đó, nông dân canh tác độc canh có thể giảm khoảng 40% lượng nước tưới so với thông thường mà không ảnh hưởng đến năng suất và sức khỏe của cây. Tuy nhiên, khi mùa khô kéo dài bất thường, bà con có thể tưới nước như khuyến nghị thông thường. Thứ hai, trồng xen cây ăn quả và hồ tiêu trong các vườn cà phê sẽ tạo ra tiểu khí hậu có lợi cho cây cà phê, cho phép giảm hơn nữa lượng tưới tiêu trong mùa khô. Những phát hiện quan trọng này hiện đang được thảo luận với nông dân và chính quyền địa phương thông qua các hội thảo tham vấn. Cần phải tiếp tục xây dựng mô hình và thử nghiệm bổ sung tại vườn cà phê trong những năm tới nhằm xác nhận, ngoại suy và phổ biến các kết quả nêu trên.

Đồng thời, Dự án V-SCOPE đang thử nghiệm các phương pháp cải tạo đất bằng cách bón vôi và than sinh học làm từ vỏ cà phê tại 30 vườn cà phê và hồ tiêu ở Tây Nguyên. Các thử nghiệm nhằm xác định các biện pháp canh tác bền vững, phù hợp với các nông hộ có đất bị thoái hóa, đang lạm dụng phân bón và thuốc trừ sâu, khiến cây trồng trở nên yếu ớt. Hoạt động giám sát gần đây cho thấy thử nghiệm đã có các tác động tích cực đến sức khỏe và năng suất cây trồng. Nông dân cho biết đất mềm hơn, có nhiều giun đất xuất hiện, đất hút nước tốt hơn và lá xanh hơn ở những khu vực được xử lý. Theo thời gian,

việc cải thiện chất lượng đất có thể giúp giảm sử dụng phân bón và nâng cao tính bền vững của hệ thống canh tác cà phê và hồ tiêu.

Khía cạnh xã hội thường bị bỏ qua khi nghiên cứu tính bền vững của các hệ thống trồng trọt. Dự án V-SCOPE đã thực hiện một cuộc khảo sát từ tháng 4 đến tháng 8/2023 để nghiên cứu vấn đề lao động và hiệu quả canh tác trong các hệ thống trồng trọt khác nhau, từ độc canh đến xen canh với cà phê, hồ tiêu và cây ăn quả. Kết quả cho thấy thu hoạch hồ tiêu có nhu cầu sử dụng lao động cao nhất, nhiều hơn đáng kể so với cà phê. Hoạt động thu hoạch chủ yếu dựa vào lao động thuê theo mùa vụ, dẫn đến mối lo ngại về tình trạng thiếu lao động trong tương lai. Mặc dù trong giai đoạn 2022-2023, giá cà phê cao và giá hồ tiêu thấp, nhưng không có sự khác biệt đáng kể về tỷ suất lợi nhuận gộp trên mỗi héc-ta trồng trọt. Những phát hiện này đã cho thấy sự phức tạp của công tác quản lý nông nghiệp và sự cần thiết phải có các chiến lược thích ứng, trong đó nông lâm kết hợp được xem là một phương án rất khả thi. Dự án sẽ tiếp tục thực hiện các nghiên cứu chuyên sâu nhằm tối ưu hóa việc phân bổ nguồn lực và tăng cường khả năng phục hồi của hệ thống canh tác.

Trong năm 2023, dự án cũng đã thực hiện các nghiên cứu có sự tham gia của khu vực tư nhân và thúc đẩy các cuộc đối thoại công-tư ở cấp địa phương và quốc gia. Trong khuôn khổ một dự án bổ sung của dự án V-SCOPE mang tên 'Hợp

tác với các công ty thương mại để nâng cao sinh kế bền vững cho các hộ nông dân sản xuất nhỏ ở Tây Nguyên thông qua các can thiệp thí điểm với cà phê Robusta chất lượng cao, khu vực tư nhân đã tham gia sâu rộng, toàn diện hơn để thúc đẩy sự đổi mới chuỗi giá trị. Cụ thể, 2 mô hình thí điểm về cà phê chất lượng cao hiện đang hỗ trợ việc cải thiện dịch vụ cung cấp đầu vào. Dự án cũng đã tổ chức 2 cuộc đối thoại chính sách cấp quốc gia với các bên liên quan, 1 hội thảo về ngành hàng cà phê và 1 hội thảo phối hợp với công ty Simexco về triển vọng thị trường cà phê chất lượng cao tổ chức tại Buôn Ma Thuột. Ngoài ra, dự án cũng đã triển khai 4 khóa đào tạo nhằm nâng cao năng lực cho nông dân sản xuất nhỏ về thực hành sau thu hoạch cà phê, với sự tham gia của gần 200 nông dân, trong đó khoảng 40% là nữ.

Dựa trên những kết quả nghiên cứu đa dạng, dự án V-SCOPE hiện đang nỗ lực chia sẻ các kết quả và điều chỉnh hướng nghiên cứu cho phù hợp với các điều kiện và nhu cầu của các trang trại và chuỗi giá trị khác nhau của địa phương. Từ cuối năm 2023, dự án đã đẩy mạnh đối thoại với nhiều bên liên quan như nông dân, hợp tác xã, các công ty địa phương và toàn cầu, chính quyền trung ương và địa phương, các đối tác phát triển v.v., thông qua việc chia sẻ các phân tích kết quả nghiên cứu sơ bộ tại các hội thảo. Mục đích của

các đối thoại là tham vấn để tiếp tục xây dựng các hướng dẫn kỹ thuật và khuyến nghị chính sách phù hợp với địa phương nhằm giải quyết các vấn đề phức tạp xung quanh nhu cầu phát triển bền vững, đặc biệt là đối với nông dân sản xuất nhỏ. Dự án cũng đã tổ chức chuỗi các hội thảo có sự tham gia của các nhóm nông dân về thực hành canh tác và thiết kế hệ thống canh tác tại 3 huyện địa bàn dự án.

Liên hệ:

Giám đốc dự án, Estelle Bienabe, estelle.bienabe@cirad.fr

VỀ DỰ ÁN V-SCOPE:

Dự án V-SCOPE do ACIAR tài trợ hướng tới nâng cao sinh kế cho các nông hộ nhỏ và cộng đồng nông thôn, đồng thời hỗ trợ công tác quản lý tài nguyên thiên nhiên và sản xuất bền vững hơn, cũng như thúc đẩy sự phát triển của chuỗi thị trường thực phẩm nông nghiệp bao trùm thông qua hợp tác với khu vực tư nhân và nông dân. Dự án do ICRAF (còn gọi là World Agroforestry) chủ trì triển khai thực hiện, phối hợp cùng các bên liên quan và CIRAD là cơ quan cung cấp nhân sự cho dự án.



Tập huấn về chế biến cà phê chất lượng cao trong tháng 6 năm 2024.
Ảnh: Dự án V-SCOPE.



Xây dựng năng lực nghiên cứu giúp giảm thất thoát thực phẩm ở lưu vực sông Mê Kông

Nguyễn Văn Kiên, Kim Alexander.

Dự án ACIAR: CS/2020/209

Dự án CS/2020/209 do ACIAR và IRDC đồng tài trợ nhằm xác định tình trạng thất thoát và lãng phí thực phẩm hiện tại và tương lai trong chuỗi cung ứng cá da trơn ở lưu vực sông Mê Kông tại Việt Nam, Lào và Campuchia, đồng thời phát triển các giải pháp can thiệp giúp giảm tổn thất.

Xây dựng năng lực cho các nhà nghiên cứu trong nước

Một trong các mục tiêu chính của dự án là tăng cường khả năng nghiên cứu về thất thoát thực phẩm cho các nhà nghiên cứu của 3 nước tham gia dự án. Họ đã được đào tạo về chuỗi giá trị, nghiên cứu xã hội, kỹ năng thu thập dữ liệu và tương tác với doanh nghiệp và các bên liên quan.

Các nhóm cũng được đào tạo về kỹ thuật dự đoán tầm nhìn xa (Foresighting) để phân tích rủi ro bằng cách hình dung những diễn biến có thể xảy ra trong chuỗi cung ứng cá da trơn trong tương lai.

Nghiên cứu chuỗi giá trị

Sau đào tạo, dự án đã xây dựng và thử nghiệm các công cụ nghiên cứu chuỗi giá trị để phục vụ cho công tác thu thập dữ liệu dự kiến sẽ diễn ra trong tháng 7 và tháng 8 năm 2024. Mục tiêu nghiên cứu chính của dự án là đánh giá các chuỗi giá trị chính trong ngành cá da trơn ở Việt Nam, Lào và Campuchia. Do phụ nữ và nam giới đều đóng vai trò quan trọng trong các quy trình sản xuất cá da trơn trong chuỗi cung ứng, nhóm dự án cũng đã nghiên cứu tài liệu về giới để phục vụ cho các hoạt động nghiên cứu trong tháng 7 và tháng 8 năm 2024.

Trong tháng 5 năm 2024, Trung tâm Tài nguyên và Thực phẩm Toàn cầu của Đại học Adelaide đã tổ chức hội thảo có sự tham gia của các nhà nghiên cứu ở cả 3 nước để xác định các chuỗi giá trị cá da trơn chính, đánh giá tiến độ và thống nhất về phương pháp tiếp cận theo chuỗi giá trị, tập trung vào khu vực ĐBSCL của Việt Nam. Mỗi nước sau đó đã thống nhất các chuỗi giá trị cá da trơn chính để đưa vào hoạt động nghiên cứu.

Bước đầu, các nhóm nghiên cứu ở mỗi nước đã tiến hành các cuộc họp mặt và phỏng vấn những người cung cấp thông tin chính trong chuỗi cung ứng. Các thất thoát, hao hụt về nguyên vật liệu và giá trị (tiền) được ghi nhận dọc theo chuỗi, từ cá da trơn bố mẹ đến cá giống, nuôi tại trang trại, vận chuyển từ trang trại đến nhà máy, chế biến và tiêu thụ. Các nhà khoa học sau đó quy đổi giá trị các tổn thất này thành tiền, đồng thời cũng ghi

nhận những hình thức thất thoát khác, cho thấy tổng thiệt hại đáng kể xảy ra trong toàn bộ ngành công nghiệp cá da trơn.

Đây mới là nghiên cứu sơ bộ ban đầu, cuộc khảo sát ở quy mô lớn hơn sẽ được thực hiện trong tháng 7 và tháng 8 năm 2024 để tinh chỉnh các phân tích về chuỗi giá trị và hiểu rõ hơn về thất thoát, lãng phí lương thực, cũng như tổn thất trong các chuỗi cung ứng khác.

Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu sơ bộ ban đầu đã chỉ ra những tổn thất đáng kể trong chuỗi cung ứng, đặc biệt trong giai đoạn nuôi giống, nuôi thương phẩm, thu hoạch, vận chuyển và chế biến. Các cuộc phỏng vấn với người nuôi cá giống, người nuôi thương phẩm, người vận chuyển và nhà máy ở tỉnh An Giang vào tháng 1 năm 2024 đã cung cấp những thông tin như sau:

- **Giai đoạn cá giống (90 ngày):** Tỷ lệ sống trước đây là 10-12%; hiện đã giảm còn 2-3%, tỷ lệ sống cao nhất hiện nay trung bình là 5%.
- **Giai đoạn nuôi thương phẩm (8 -10 tháng):** Cá bị hao hụt lên tới 30%-50% số đầu con. Thời gian thu hoạch cá bị kéo dài sẽ gây ra thiệt hại về kinh tế do mất thêm tiền thức ăn bổ sung và cá quá khổ sẽ phải bán với giá thấp hơn. Những thất thoát khác bao gồm lãng phí nguồn trầm tích và nước trang trại - vốn có thể sử dụng để làm phân bón hữu cơ và artemia để nuôi cá tra giống, tuy nhiên chưa được sử dụng triệt để.





Các nhà nghiên cứu của Việt Nam thăm nhà máy chế biến cá da trơn Sao Mai ở tỉnh Đồng Tháp, tháng 2/2024. Ảnh: Trịnh Thị Lan, Trường Đại học An Giang.

- **Thu hoạch tại ao nuôi:** Tỷ lệ hao hụt đầu con 1-2%; giảm giá bán 86% đối với cá chết (giá bán cá chết 4.000 đ/kg, so với cá sống 28.000 đồng/kg).
- **Vận chuyển:** Thất thoát 4-5% vận chuyển từ ao xuống ghe đục và 1-2% trên ghe lúc vận chuyển; giảm giá bán 86% đối với cá chết.
- **Chế biến:** % tổn thất thay đổi tùy theo kích cỡ và chất lượng cá, hiệu suất kỹ thuật của công nhân phi lê và tổng lượng tổn kho. Lãng phí xảy ra khi các sản phẩm phụ như máu cá chưa được tận dụng hiệu quả. Da cá vốn trước đây bị bỏ phí, nay đã được sử dụng để làm ra các sản phẩm collagen có giá trị cao.

Tầm quan trọng của hợp tác đa ngành và liên ngành trong nghiên cứu về thất thoát thực phẩm

Dự án đã gặp nhiều thách thức trong việc áp dụng các khái niệm mới về dự báo với tầm nhìn xa (Foresighting), lập bản đồ chuỗi giá trị và nghiên cứu giới trong chuỗi cung ứng cá da trơn. Tuy nhiên, các chuyên gia trong các lĩnh vực nghiên cứu này đã tham gia đào tạo cho cán bộ dự án, nhờ vậy, năng lực nghiên cứu của các nhóm ở ba nước lưu vực sông Mê Kông đã được cải thiện đáng kể. Tất cả là nhờ tính chất liên ngành và toàn diện của đội ngũ tham gia dự án. Bằng cách kết hợp các kỹ năng, nhóm dự án đã

nâng cao hiểu biết chuyên môn về nuôi trồng thủy sản, các quy trình chế biến trong nhà máy và đánh giá các tổn thất vật chất. Các nhà nghiên cứu kinh tế và xã hội đã mang tới kiến thức chuyên môn về phân tích thiệt hại kinh tế, huy động sự tham gia của các bên liên quan và cách hợp tác với các đối tác bên ngoài, bao gồm chính phủ và doanh nghiệp, để hiểu rõ hơn về các tổn thất lương thực và phi lương thực trong quá trình nghiên cứu. Mục đích của dự án là sử dụng các tri thức này để phát triển các biện pháp can thiệp mạnh mẽ nhằm giảm thiểu tổn thất và lãng phí lương thực và phi lương thực trong ngành nuôi cá da trơn ở lưu vực sông Mê Kông.

Dự án trân trọng sự đóng góp của các đối tác nghiên cứu, bao gồm

Bộ Nông Nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam, Cục Thủy Sản Việt Nam, Đại học Kinh tế TP. HCM, Đại học New England, Đại học Swinburne, Đại học Quốc Gia Australia, Đại học An Giang – Đại học Quốc Gia TP. HCM, Đại học Nông Nghiệp Hoàng Gia Campuchia, Đại học Quốc Gia Lào, Công ty TNHH Vĩnh Hoàn, Công ty cổ phần Việt – Úc, Công ty cổ phần Nam Việt, công ty cổ phần Sao Mai, và các nông dân và doanh nghiệp nuôi, chế biến, vận chuyển đã tham gia phỏng vấn.

Liên hệ:

Đồng Giám đốc dự án: TS Nguyễn Văn Kiên, kiennv@ueh.edu.vn; TS Kim Alexandre, kim.alexander@uue.edu.au

Liên kết hoạt động sản xuất của nông hộ trong chuỗi thương mại cung ứng bò thịt tại Việt Nam

Stephen Ives và Lê Thị Thanh Huyền.
Dự án ACIAR: AGB/2020/189.

Một dự án mới do ACIAR tài trợ, Đại học Tasmania phối hợp với Viện Chăn nuôi thực hiện, sẽ tìm hiểu cơ hội để các hộ nông dân chăn nuôi nhỏ ở Việt Nam có thể tham gia, hưởng lợi từ chuỗi thương mại cung ứng bò thịt đang phát triển rất nhanh chóng.

Với dân số gần 100 triệu người, nhu cầu tiêu dùng thịt bò của thị trường nội địa ở Việt Nam đã tăng lên 35% trong vòng 5 năm qua. Đây là một cơ hội lớn để các cộng đồng chăn nuôi ở Việt Nam tham gia và cải thiện sinh kế.

Tuy nhiên, thị trường thịt bò thương mại hiện vẫn đang bị chi phối bởi các doanh nghiệp lớn, và các hộ chăn nuôi nhỏ có rất ít cơ hội để tiếp cận thị trường tiềm năng này. Sáng kiến nghiên cứu mới này nhằm cung cấp những hiểu biết sâu sắc và chiến lược để giúp các hộ chăn nuôi nhỏ được hưởng lợi trong quá trình phát triển ngành bò thịt





Hội nghị khởi động dự án ngày 31 tháng 10 năm 2023 tại Viện Chăn nuôi (NIAS), Hà Nội.

của Việt Nam, qua đó nâng cao sinh kế và dinh dưỡng ở cấp hộ gia đình.

Dự án đã tổ chức cuộc họp khởi động vào tháng 10 năm 2023 tại Viện Chăn nuôi (NIAS) ở Hà Nội. Nhóm dự án bao gồm các nhà nghiên cứu từ NIAS, Học viện Nông nghiệp Việt Nam (VNUA), Trung tâm Phát triển nông thôn miền Trung (CRD), Công ty Focus Group Go, Đại học Tasmania và các chuyên gia tư vấn. Ngoài ra, đến tham dự hội thảo còn có đại diện của ACIAR, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, một số Sở NN & PTNT, nông dân và khu vực tư nhân.

Nhóm nghiên cứu đã áp dụng mô hình trao quyền lãnh đạo cho tất cả các thành viên tham gia dự án, nhằm ghi nhận kỹ năng cá nhân và lĩnh vực đóng góp của mỗi người. Ví dụ gần đây nhất là một chương trình tập huấn trong khuôn khổ dự án đã được xác định lại là hội thảo trao đổi kiến thức để mỗi người có thể tự tin trao đổi, trình bày về các hoạt động và kiến thức chuyên sâu của mình.

Mục tiêu chính của dự án là đánh giá và thí điểm các chiến lược và cách tiếp cận nhằm thu hút các nông hộ sản xuất nhỏ, nhà điều hành thương mại và các bên liên quan khác vào chuỗi giá trị bò thịt thương mại nhằm đảm bảo sự hợp tác hiệu quả, vì lợi ích chung. Ở giai đoạn mới đầu này, dự án tập trung tìm hiểu tình hình hiện tại liên quan đến xu hướng, nhu cầu và đòi hỏi của ngành cũng như các cơ hội tham gia và hợp tác.

Dự án bước đầu đã lựa chọn hai tỉnh Quảng Bình và Hưng Yên để thực hiện các hoạt động sau các

chuyến thăm và thảo luận với Sở NN & PTNT địa phương, các trang trại chăn nuôi vỗ béo bò thịt tập trung, các hộ chăn nuôi nhỏ vỗ béo và các lò mổ tại các tỉnh Quảng Bình, Hưng Yên, Hà Nội và Ninh Bình. Mỗi tỉnh được chọn đều có những đặc điểm riêng cho phép nhóm nghiên cứu tìm hiểu tác động của mỗi khu vực địa lý, quá trình đô thị hóa, khả năng tiếp cận thị trường, mối liên kết thị trường và mong muốn thích ứng hoặc áp dụng các phương pháp đổi mới.

Dự án cũng đã xác định các địa phương và bên liên quan tham gia chuỗi cung ứng thức ăn thô xanh cho hoạt động cải thiện mối liên kết giữa các nông hộ với chuỗi cung ứng bò thịt thương mại. Bước đầu, Thanh Hóa và Nghệ An được xác định là các vùng nguyên liệu cung cấp thức ăn thô xanh cho các trại chăn nuôi vỗ béo bò thịt và được đề xuất bổ sung làm địa điểm nghiên cứu của dự án.

Dự án cũng sẽ thực hiện các dự báo kinh tế với các kịch bản đầu vào khác nhau nhằm cung cấp thông tin cho các bên tham gia trong chuỗi về tiềm năng kinh tế của từng kịch bản.

Liên hệ:

Giám đốc dự án: Stephen Ives, stephen.ives@utas.edu.au
 Điều phối viên quốc gia: Lê Thị Thanh Huyền,
lehuyen1973@yahoo.com

Cải thiện nguồn gen gà đem lại cuộc sống tốt hơn cho người nuôi

Ngô Thị Kim Cúc, Fasil Getachew, Ninh Thị Huyền, Nguyễn Công Định, Trần Trung Thông, Phạm Văn Sơn, Vũ Chí Thiện, Ngô Thị Lệ Quyên, Nguyễn Thị Minh Phương, Hoàng Hải Hóa, Wondmeneh Esatu, Mulugeta Yitayih, Fred Unger, Tadelles Dessie.
Dự án ACIAR: LS/2019/142

Chăn nuôi các giống gà bản địa quy mô nhỏ là một phần không thể thiếu trong hệ thống chăn nuôi của Việt Nam. Loại hình chăn nuôi này góp phần tạo ra sinh kế và dinh dưỡng hộ gia đình, tạo thu nhập, tạo việc làm và trao quyền cho phụ nữ. Thịt gia cầm là loại thịt được tiêu thụ nhiều nhất trong nước, chỉ sau thịt lợn. Tuy nhiên, người nông dân chưa thể đáp ứng được thị trường ngày càng tăng do mức năng suất hiện tại của gà quá thấp, do các nguyên nhân chính là nguồn gen chưa được cải tiến, khả năng tiếp cận đầu vào và dịch vụ còn hạn chế, năng lực chăn nuôi và liên kết thị trường còn kém.

ACIAR tài trợ cho nghiên cứu phát triển gia cầm

Trong năm 2021, ACIAR đã tài trợ một dự án hợp tác nghiên cứu do Viện Chăn nuôi Quốc tế (ILRI) và Viện Chăn nuôi của Việt Nam (NIAS) thực hiện mang tên 'Cải thiện nguồn gen Gà Châu Á (AsCGG)'.

AsCGG là một nền tảng để khám phá, thử nghiệm và cung cấp những giống gà cải tiến nhằm nâng cao sinh kế cho người chăn nuôi. Dự án đã cấp cho mỗi hộ chăn nuôi tham gia dự án 50 con gà con thuộc 4 giống cải tiến (2 giống kiêm dụng và 2 giống hướng trứng). AsCGG đã ấp và nuôi úm cho gà con đến khi 8 tuần tuổi và tiêm phòng trước khi bàn giao cho nông hộ để giảm rủi ro tổn thất đàn gà do bệnh tật và gia tăng lợi nhuận.

Bên cạnh các giống gà cải tiến, năng suất của các giống gà bản địa cũng đang được đánh giá ở mỗi nông hộ để cung cấp các thông tin hữu ích, phục vụ cho việc sử dụng và bảo tồn bền vững nguồn gen bản địa. Các hoạt động thử nghiệm so sánh các giống gà đang được triển khai tại các tỉnh Hòa Bình, Hà Nam và Quảng Bình, đại diện

cho các vùng sinh thái tương ứng (Tây Bắc, Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ) tại Việt Nam.

Nông dân được đào tạo về an toàn sinh học, tiêm phòng các bệnh phổ biến, chuẩn bị chuồng trại và cách thức cho gà ăn để cải thiện sức khỏe đàn và năng suất chăn nuôi. Các hộ gia đình tham gia dự án đã được tổ chức thành nhóm và tham gia vào các nền tảng đổi mới với sự tham gia tích cực của khu vực tư nhân để vượt qua những thách thức lớn, thêm khả năng tiếp cận thị trường, dịch vụ đầu vào và đầu ra. Dự án cũng có các hoạt động xây dựng năng lực cho các nhà nghiên cứu và các tổ chức tư nhân.

Cải thiện dinh dưỡng và tài chính ở cấp độ nông hộ

Các giống gà cải tiến do dự án giới thiệu có năng suất tốt hơn hẳn. Trong khi các giống gà bản địa nuôi thử nghiệm có năng suất trứng đạt 44 quả



Dự án AsCGG bàn giao gà 8 tuần tuổi cho nông dân ở Hà Nam.
Ảnh: NIAS.



Thử nghiệm tại một nông hộ ở tỉnh Hòa Bình so sánh, đánh giá một giống gà kiêm dụng với giống gà bản địa. Ảnh: NIAS.

trứng ở tuổi sinh sản tốt nhất (khoảng 30 tuần), thì các giống gà cải tiến cho năng suất trung bình là 75 quả trứng và đạt trọng lượng cơ thể lớn hơn các giống bản địa trung bình khoảng 20%. Những khác biệt về năng suất này sẽ mang về lợi ích kinh tế to lớn khi các kỹ thuật cải tiến về gia cầm bao gồm di truyền, thức ăn, phương pháp quản lý được nhiều nông dân áp dụng.

Nông dân tham gia dự án rất hào hứng với những kết quả ban đầu. Họ đánh giá các giống gà cải tiến có khả năng thích nghi tốt, tỷ lệ sống và năng suất sinh trưởng cao. Ngoài ra, các giống gà kiêm dụng cải tiến có chất lượng thịt tốt và ngoại hình đẹp, đáp ứng được thị hiếu của người tiêu dùng trong nước. Qua so sánh với gà địa phương, các hộ gia đình đã dần thay đổi tư duy truyền thống chỉ nuôi gà địa phương. Họ sẵn sàng tiếp tục các hoạt động đang diễn ra ngay cả sau khi dự án kết thúc.

Dự án đã góp phần cải thiện dinh dưỡng, bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ, đồng thời giúp phát triển chuỗi thị trường gia cầm. Các phụ nữ tham gia dự án cho biết họ hoàn toàn tự chủ trong quá trình nuôi các giống gà cải tiến, bao gồm việc chủ động lựa chọn đầu vào, thực hiện các hoạt động chăm sóc gà và quản lý việc bán gà, trứng. Một nữ nông dân đã chia sẻ: 'Giống gà

cải tiến nặng hơn, nhiều thịt hơn. Thịt cũng dai, ngon. Con tôi rất thích ăn thịt gà nhiều thịt.'

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập thường xuyên và công khai trên cổng dữ liệu của ILRI. Các báo cáo kỹ thuật bao gồm các phương pháp nghiên cứu và phân tích về lợi ích kinh tế và dinh dưỡng ở cấp hộ gia đình sẽ được dự án công bố vào cuối năm 2024 khi hoàn tất hoạt động thu thập dữ liệu.

Tiềm năng trong tương lai

Những nỗ lực phát triển chuỗi giá trị chăn nuôi gà của dự án AsCGG đã cho thấy phương pháp đổi mới tổng hợp bao gồm cải thiện di truyền, dịch vụ thú y, thức ăn, đào tạo, xây dựng năng lực, phát triển thị trường và sự tham gia của các nhà hoạch định chính sách có tiềm năng to lớn đối với cải thiện sinh kế của các nông hộ ở Đông Nam Á. Trong tương lai, mối quan hệ hợp tác giữa khu vực công và tư nhân được tăng cường hơn nữa sẽ giúp đảm bảo việc nhân giống bền vững và cung cấp các giống gà trên quy mô lớn trong khu vực.

Liên hệ:

Giám đốc dự án: Tadelles Dessie, t.dessie@cgjar.org

Điều phối viên quốc gia: Ngô Thị Kim Cúc,

cucngokim@yahoo.com

Các giải pháp tài chính nông thôn ở Việt Nam

Alan de Brauw.

Dự án ACIAR: AGB/2016/163

Ở những vùng sâu, vùng xa của Việt Nam, nhiều hộ nông dân nhỏ gặp khó khăn trong việc tham gia chuỗi giá trị nông nghiệp. Họ thường không tiếp cận được các dịch vụ ngân hàng hoặc các nguồn tín dụng chính thức. Trong khi đó, nhu cầu về nông sản cho thị trường trong nước và xuất khẩu ngày càng tăng nhanh. Việt Nam có nhiều lợi thế với các mặt hàng xuất khẩu có giá trị cao như sản phẩm từ động vật, hoa quả, rau và gia vị, đặc biệt nếu chiến lược “tăng trưởng xanh” mới đây có thể giúp chứng minh tính bền vững của các nông sản này.

Một giải pháp khả thi giúp tăng cường khả năng tiếp cận tài chính cho nông dân là mô hình tài chính chuỗi giá trị nông nghiệp.

Tài chính chuỗi giá trị nông nghiệp cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ tài chính cho tất cả những người tham gia vào chuỗi giá trị, từ nhà cung cấp đầu vào, nông dân đến thương lái và nhà chế biến. Mô hình này có thể giúp mọi người tiếp cận tài chính dễ dàng hơn bằng cách tận dụng các mối quan hệ trong chuỗi giá trị. Nó cũng giúp giảm rủi ro cho nông dân, người thu mua và cả các tổ chức tài chính cung cấp các khoản vay. Mô hình tài chính chuỗi giá trị nông nghiệp sẽ phát huy hiệu quả đối với những nông dân không đủ điều kiện nhận các khoản vay trợ cấp nhưng đã có sẵn mối quan hệ với các công ty cần mua sản phẩm của họ.

Dự án 'Tài chính cho chuỗi giá trị nông nghiệp' do ACIAR tài trợ có hai mục tiêu chính. Đầu tiên, dự án nghiên cứu tài chính và các quy định tài chính trong lĩnh vực nông nghiệp của Indonesia, Myanmar và Việt Nam. Các nhà nghiên cứu đã lập các báo cáo giải thích mức độ ảnh hưởng của chính sách của mỗi quốc gia đối với tài chính trong chuỗi giá trị nông nghiệp và xác định các cơ hội tài chính cho chuỗi giá trị nông nghiệp nhằm tháo gỡ các rào cản trong tiếp cận tín dụng của nông dân. Báo cáo đã đề xuất 2 thay đổi về mặt chính sách nhằm thúc



đẩy tài chính chuỗi giá trị. Thứ nhất, nếu các ngân hàng được phép linh hoạt hơn trong việc ấn định lãi suất và điều kiện cho vay, họ có thể thiết kế các khoản vay cho nông nghiệp tốt hơn. Thứ hai, nếu các hình thức thế chấp thay thế được chấp nhận, ví dụ như mối quan hệ chặt chẽ giữa nông dân và nhà chế biến, có thể thúc đẩy cho vay nhiều hơn. Ngoài ra, việc hướng dẫn các phương pháp kinh doanh đơn giản cho nông dân cũng giúp tăng cường sự tham gia của họ vào chuỗi giá trị.

Mục tiêu thứ hai của dự án là quan sát, đánh giá xem nguồn tài chính bổ sung hoặc các điều khoản cho vay khác dành cho nông dân trong một chuỗi giá trị cụ thể có cải thiện các kết quả như doanh thu, lợi nhuận và thu nhập hộ gia đình hay không. Ban đầu, nhóm dự án nghiên cứu các chuỗi giá trị khác nhau để tìm ra chuỗi giá trị phù hợp nhất cho dự án của mình. Sau cùng, dự án đã chọn chuỗi giá trị cà phê ở tỉnh Sơn La, tập trung vào nông dân dân tộc thiểu số, đồng thời thực hiện một số hoạt động nhằm thu hút phụ nữ tham gia vào quá trình ra quyết định.

Dự án hợp tác với Ngân hàng Bưu điện Liên Việt để cung cấp các khoản vay và công ty cà phê Phúc Sinh để thu mua cà phê của nông dân. Dự án đã thiết kế các sản phẩm cho vay với Ngân hàng Bưu điện Liên Việt phù hợp với giới hạn chính sách và giúp giải quyết các chi phí trong chuỗi giá trị cà

phê. Những khoản vay này cho phép nông dân trì hoãn việc trả nợ gốc cho đến khi họ bắt đầu làm ra hạt cà phê. Dự án cũng giúp thiết lập hệ thống để Phúc Sinh trả tiền trực tiếp cho nông dân vào tài khoản ngân hàng, đảm bảo khả năng trả nợ của họ. Nghiên cứu bao gồm một thử nghiệm đối chứng ngẫu nhiên để đo lường tác động của các khoản vay này so với nhóm đối chứng không nhận được khoản vay tương tự.

Trong thực tế, nhu cầu vay vốn của nông dân rất thấp - chưa đến 10% nông dân đăng ký vay. Dự án đã thực hiện thảo luận nhóm tập trung để hiểu lý do tại sao số người lựa chọn gói vay lại ít như vậy. Một số lý do nổi bật là: một số nông dân đã tiết kiệm đủ tiền nhờ giá cà phê cao trong những năm gần đây, nên không cần phải vay vốn. Những người khác cho rằng các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) linh hoạt hơn, đặc biệt là về thời hạn trả nợ. Vấn đề về niềm tin cũng đóng một vai trò quan trọng, do nông dân không quen với các đại lý của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt và một số điều khoản của họ, ví dụ như khấu trừ tự động từ tài khoản vãng lai. Cuối cùng, công ty Phúc Sinh không được nhiều người

biết đến như mong đợi, và nông dân thích bán cà phê cho một người chuyên thu mua trong bản – người này sau đó có thể bán tiếp cho Phúc Sinh hoặc một bên khác.

Mặc dù chương trình thí điểm không tạo ra nhiều khoản vay thành công như chúng tôi kỳ vọng, nhưng dự án vẫn mang lại những bài học quý giá cho công tác xây dựng chính sách, đặc biệt là trong việc thúc đẩy tăng trưởng xanh. Đối với mục tiêu giảm lượng khí thải từ sản xuất lúa gạo, cần đầu tư ở cấp độ nông dân hoặc nhóm nông dân và mô hình tài chính chuỗi giá trị nông nghiệp có thể hỗ trợ các khoản đầu tư này, đặc biệt thông qua việc thu hút các công ty thu mua thóc của nông dân. Các công ty này có thể phát triển các sản phẩm gạo “cacbon thấp” hướng tới những người tiêu dùng có ý thức bảo vệ môi trường. Việc hỗ trợ nông dân tiếp cận tín dụng để dàng hơn thông qua mô hình tài chính theo chuỗi giá trị nông nghiệp có thể đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cấp và tăng cường tính bền vững của chuỗi giá trị nông sản ở Việt Nam.

Liên hệ:

Alan de Brauw, Giám đốc dự án, a.debrauw@ccgiar.org.

Đổi mới trong quan hệ đối tác giúp tăng cường an ninh sinh học rừng ở Đông Nam Á

Russell Warman, Nguyễn Đức Kiên, Morag Glen, Caroline Mohammed, Jeremy Brawner, Lê Sơn.
Dự án ACIAR: FST/2018/179



Việt Nam là một trong những nước có diện tích rừng trồng lấy gỗ lớn nhất Đông Nam Á, với khoảng 2,6 triệu hecta keo và bạch đàn. Những khu rừng này có đóng góp rất lớn cho ngành gỗ và sản phẩm từ gỗ của Việt Nam. Do đó, việc duy trì sức khỏe và bảo vệ rừng bằng các biện pháp an ninh sinh học là rất cần thiết. Dự án 'Quản lý rủi ro trong an ninh sinh học rừng Đông Nam Á' do ACIAR tài trợ đang hỗ trợ Việt Nam trong lĩnh vực này.

Dựa trên các hợp tác nghiên cứu trước đây giữa Đại học Tasmania và Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam, dự án này nhằm mục đích mở rộng và tăng cường năng lực thông qua trao đổi kiến thức và kỹ thuật để nâng cao nhận thức về ảnh hưởng của dịch bệnh đối với sức khỏe rừng. Một trong những



Các nhà khoa học Indonesia được giới thiệu về phân tích đa bội bằng phương pháp đếm phân tích dòng chảy tế bào. Ảnh: IFTIB

trọng tâm nghiên cứu của dự án là lai tạo giống cây rừng có khả năng kháng sâu bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Một hoạt động nổi bật gần đây của dự án là lớp tập huấn kéo dài 5 ngày (23-29 tháng 10 năm 2023) về tạo giống đa bội và lai giống khác loài cho keo và bạch đàn tại Hà Nội do Viện Nghiên cứu Giống và Công nghệ Sinh học Lâm nghiệp (IFTIB) thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam tổ chức, với sự tham gia của các nhà khoa học của Viện, 4 nhà khoa học Indonesia và 1 nhà khoa học của Đại học Florida.

Mục tiêu của dự án là phát triển một chương trình lai tạo và khảo nghiệm giống mới hiệu quả hơn để chọn lọc các giống keo và bạch đàn có sức chống chịu tốt, sinh trưởng nhanh. Dự án đang xây dựng các quy trình sàng lọc hiệu quả đối với các kiểu

gen kháng bệnh ở giai đoạn vườn ươm. Ở Việt Nam, các nhà khoa học đang phát triển 2 quy trình cụ thể: một cho sàng lọc khả năng chống chịu với bệnh chết héo do nấm *Ceratocystis* ở keo và một cho bệnh đốm lá do nấm *Cryptosporiopsis* gây ra ở bạch đàn. Sau đó, dự án sẽ xây dựng một trang web làm trung tâm sàng lọc ảo để phổ biến các quy trình này, đồng thời tích hợp các quy trình khác do các nhóm nghiên cứu khác ở Indonesia phát triển, bao gồm các đối tác trong cơ quan nghiên cứu chính phủ BRIN và một số công ty trồng gỗ lớn của Indonesia. Bên cạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học chuyên sâu, dự án cũng đang hợp tác chặt chẽ với một dự án khác do ACIAR tài trợ mang tên 'Xây dựng mạng lưới an toàn sinh học rừng hiệu quả ở Đông Nam Á' (FST/2020/123) để nâng cao năng lực giám sát và chẩn đoán, mô hình hóa khí hậu về sự thay đổi phân bố dịch bệnh, sử dụng máy bay không người lái để giám sát từ xa và phát triển mạng lưới sức khỏe rừng trong khu vực.

Mới đây, các nhà khoa học về sinh lý thực vật, bệnh học và giống cây trồng của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam đã đến Đại học Tasmania ở Úc để tham gia lớp tập huấn về sử dụng máy bay không người lái trong giám sát và điều tra sức khỏe rừng. Sau khi về nước, họ đã thử nghiệm việc thiết lập hệ thống giám sát bằng máy bay không người lái cho rừng trồng tại Hà Nội. Đây là một ví dụ tuyệt vời về giá trị của quan hệ hợp tác quốc tế và mạng lưới liên ngành để xây dựng các hệ thống an ninh sinh học rừng tốt hơn.

Liên hệ:

Giám đốc dự án: Caroline Mohammed, caroline.mohammed@utas.edu.au
Morag Glen, morag.glen@utas.edu.au
Nguyễn Đức Kiên, nguyen.duc.kien@vafs.gov.vn



Các nhà khoa học của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam đang tiến hành gây bệnh nhân tạo trên các dòng keo lai (trái) và sự biểu hiện khác biệt về tính chống chịu giữa các dòng lai (phải). Ảnh: IFTIB.

Xây dựng mạng lưới an toàn sinh học và chăm sóc sức khỏe rừng hiệu quả ở Đông Nam Á

Đào Ngọc Quang, Simon Lawson và Madaline Healey.

Dự án ACIAR: FST/2020/123

Rừng cung cấp các sản phẩm, dịch vụ, việc làm và thu nhập cho gần 2,5 tỷ người trên toàn thế giới. Không những thế, rừng còn đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo phúc lợi xã hội và môi trường cho con người và cả hành tinh. Tuy nhiên, cả rừng tự nhiên và rừng trồng đều có nguy cơ bị suy thoái và mất rừng bởi sự xuất hiện, xâm lấn, gây hại của các loài ngoại lai xâm hại như cỏ dại, bệnh hại và côn trùng. Mỗi năm, chỉ tính riêng dịch hại do côn trùng đã gây hại cho khoảng 35 triệu ha rừng trên toàn cầu và được xem là một trong những mối đe dọa lớn nhất đối với sức khỏe rừng.

Để giải quyết mối nguy này, các nhà khoa học của Trung tâm Nghiên cứu Bảo vệ rừng (FPRC) và Trường Đại học Sunshine Coast (UniSC) đã hợp tác nghiên cứu các giải pháp quản lý rừng bền vững đối với các loài ngoại lai xâm hại rừng trong suốt 15 năm qua. Hiện tại, các nhà khoa học đang tập trung vào các giải pháp phòng ngừa các loài ngoại lai gây hại thông qua dự án hợp tác nghiên cứu về an toàn sinh học lâm nghiệp nhằm dự báo và bảo vệ rừng khỏi các mối đe dọa xâm lấn.

Dự án 'Xây dựng mạng lưới an toàn sinh học và sức khỏe rừng ở Đông Nam Á' chú trọng đến vấn đề xây dựng năng lực giám sát an toàn sinh học



Các đối tác tham gia dự án đến thăm vườn sưu tập thực vật thuộc Trung tâm Khoa học lâm nghiệp Đông Bắc bộ. Ảnh: FPRC.



TS Đào Ngọc Quang kiểm tra một bẫy giám sát ở Hà Nội.
Ảnh: FPRC.



Các mẫu côn trùng gây hại thu được từ các bẫy giám sát đặt tại Hà Nội.

rừng thông qua chương trình đặt bẫy giám sát ở những khu vực có nguy cơ cao (HRSS). Mục đích của mạng lưới giám sát các khu vực có nguy cơ cao là nhằm xây dựng một hệ thống hỗ trợ các quốc gia ngăn chặn và xác định các loài ngoại lai có nguy cơ xâm nhập vào đất nước của họ qua cửa ngõ là các địa điểm có nguy cơ cao, ví dụ như các sân bay và cảng biển là những nơi có đông người và hàng hóa di chuyển qua lại.

Thông qua triển khai hệ thống bẫy, các cán bộ kỹ thuật, cán bộ kiểm dịch và cán bộ bảo vệ thực vật sẽ được trang bị các kỹ thuật về an toàn sinh học. Dữ liệu được thu thập và tổng hợp để xây dựng danh lục các loài sinh vật gây hại (trong đó ưu tiên xác định các loài gây hại chính, mối đe dọa đáng kể cần được lưu ý). Ngoài ra, thông tin về các loài ngoại lai sẽ được sử dụng để xây dựng các kế hoạch ứng phó và quản lý trong trường hợp chúng xâm nhập. Thông tin này sẽ được chia

sẽ giữa các thành viên trong mạng lưới dự án để cảnh báo các quốc gia lân cận về các loài gây hại cần cảnh giác, để phòng.

Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, FPRC đã có những đóng góp rất lớn trong việc xây dựng danh sách các loài gây hại chính, dựa trên dữ liệu thu thập được từ hệ thống giám sát. Đồng thời, FPRC đóng vai trò quan trọng trong việc tư vấn, hỗ trợ xây dựng nguồn nhân lực về chẩn đoán và giám sát sức khỏe rừng cho các đối tác cùng tham gia dự án.

Đến nay, dự án đã đi được nửa chặng đường, đã hoàn thành 2 chương trình đặt hệ thống bẫy côn trùng tại các khu vực có nguy cơ cao. Trong 2 giai đoạn đặt bẫy năm 2023 và 2024, các cán bộ FPRC đã thu thập được gần 2.000 mẫu côn trùng thuộc 40 loài gồm các loài mọt hại vỏ, mọt mang nấm, xén tóc. Kết quả này bổ sung vào số lượng 192 bẫy và 960 điểm dữ liệu để cung cấp thông tin về các loài gây hại hiện tại hoặc các loài gây hại mới. Theo số liệu của các nhà khoa học Australia, việc đầu tư vào các hoạt động an ninh sinh học sẽ đem lại hiệu quả đầu tư là 30:1, có nghĩa là mỗi 1 đô-la Úc đầu tư sẽ đem về lợi nhuận trị giá 30 đô-la. Hiện nay, nhóm nghiên cứu đang mở rộng thêm hệ thống bẫy giám sát ở các khu rừng trồng ở khu vực phía bắc của Việt Nam nhằm đánh giá thêm nguy cơ xâm hại ở khu vực biên giới.

Giám đốc FPRC, PGS.TS Đào Ngọc Quang, cho biết 'Chúng tôi mong muốn được đóng góp nhiều hơn vào công tác bảo vệ rừng tại Việt Nam, và xa hơn nữa là đóng góp vào một nỗ lực ở cấp độ khu vực Đông Nam Á thông qua mạng lưới dự án này.'

'Các đối tác tham gia dự án đang cần phát triển kỹ năng chẩn đoán sâu, bệnh hại cây lâm nghiệp. Chúng tôi có một đội ngũ cán bộ khoa học nòng cốt, có chuyên môn vững vàng để hỗ trợ các đối tác. Nhóm cán bộ nghiên cứu của Trung tâm đang xây dựng kế hoạch tổ chức tập huấn cho các đối tác từ Lào và Campuchia để hỗ trợ thêm năng lực chẩn đoán cũng như giám sát sức khỏe rừng tại các khu rừng trồng ở phía Bắc. Rừng rất quan trọng đối với sinh kế, nền kinh tế và phúc lợi xã hội và FPRC đóng một vai trò quan trọng trong công tác bảo vệ rừng,' TS Quang chia sẻ thêm.

Liên hệ:

Giám đốc dự án: Simon Lawson, slawson@usc.edu.au và Madaline Healey, mhealey@usc.edu.au



Cập nhật chương trình phát triển năng lực của ACIAR

Chúng tôi rất vui mừng được chia sẻ một số cột mốc quan trọng và các hoạt động mới nhất của Chương trình Phát triển Năng lực ACIAR. Chúng tôi rất hy vọng sẽ thu hút được các đối tác quan trọng tham gia vào các chương trình xây dựng năng lực đang diễn ra và sắp tới.

Học bổng John Allwright (JAF) 2025

Chương trình Học bổng John Allwright (JAF) là một trụ cột quan trọng trong các sáng kiến phát triển năng lực của ACIAR.

ACIAR đã nhận được số lượng lớn đơn đăng ký tham gia JAF 2025. Trong đó, chúng tôi nhận được khá nhiều hồ sơ ứng tuyển từ Việt Nam và các nước ASEAN, tăng nhẹ so với số lượng hồ sơ đăng ký năm ngoái.

Nhóm Phát triển Năng lực của ACIAR hiện đang xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của các hồ sơ đăng ký, sẵn sàng cho bước tiếp theo của quy trình tuyển chọn.

Chúng tôi dự kiến sẽ công bố kết quả vào tháng 10 năm 2024.

Những ứng viên thành công sẽ tiếp tục nhận được sự đồng hành, hỗ trợ cùng các cơ hội phát triển năng lực lãnh đạo thông qua Chương trình Hồ

trợ JAF (JSF) và Chương trình Lãnh đạo điều hành (JAFel). Để biết thêm thông tin, hãy truy cập website của ACIAR.

ACIAR Learn

ACIAR Learn là chương trình học trực tuyến do ACIAR cung cấp nhằm tăng cường năng lực cho các nhà nghiên cứu nông nghiệp ở các nước đang phát triển.

Chương trình được thử nghiệm vào tháng 11 năm 2021 trước khi chính thức triển khai vào tháng 4 năm 2022. Kể từ khi ra mắt, chương trình đã hỗ trợ 320 người học, đạt tỷ lệ hài lòng 99% và tỷ lệ hoàn thành 70% trên tất cả các khóa học.



ACIAR Learn dành cho tất cả cựu sinh viên ACIAR và những người tham gia dự án do ACIAR tài trợ. Hãy tải tài liệu hướng dẫn khóa học theo QR code bên cạnh để biết thông tin về các khóa học từ nay đến cuối năm 2024.



Hoặc truy cập trang thông tin về ACIAR Learn theo QR code bên cạnh để có thêm thông tin chi tiết.

Học bổng Meryl Williams (MWF) 2025

Chương trình MWF hướng tới các nhà lãnh đạo nữ trong khoa học nông nghiệp. Chương trình học bổng này được thiết kế để nâng cao kỹ năng lãnh đạo, sự tự tin, kiến thức và khả năng của người tham gia cũng như nâng cao khát vọng lãnh đạo của họ. Với những thành công của các khóa học bổng đầu tiên, trong năm 2024, ACIAR sẽ mở thêm 6 khóa đào tạo mới. Khóa đầu tiên sẽ ưu tiên cho các ứng viên đến từ các nước ASEAN, là bước tiếp theo sau các thảo luận tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN 2023.

Nhóm Phát triển Năng lực sẽ cung cấp thông tin cập nhật thông qua Văn phòng ACIAR Việt Nam trong những tháng tới về cách thức tham gia học bổng này.

Các cập nhật khác

Chúng tôi rất mong nhận thêm nhiều phản hồi của các cựu sinh viên về việc xây dựng chiến lược kết nối cựu sinh viên của ACIAR. Trong năm 2025, ACIAR sẽ khởi động chiến lược kết nối cựu sinh viên, chú trọng đến việc hỗ trợ thúc đẩy hợp tác nghiên cứu và phát triển chuyên môn trong cộng đồng các cựu sinh viên đang ngày một phát triển lớn mạnh. Chúng tôi rất mong được nghe các đề xuất dựa trên kinh nghiệm của các bạn. Hãy gửi các ý tưởng của bạn tới địa chỉ capacity.building@aciarc.gov.au.

Lễ tốt nghiệp của các học viên Việt Nam tham gia học bổng đào tạo kỹ năng lãnh đạo John Dillon Fellowship tại trụ sở ACIAR, Tháng 9 năm 2023.





TS Loan kiểm tra thí nghiệm đo phát thải khí nhà kính trong mô hình lúa – tôm ở Sóc Trăng.

Phỏng vấn chuyên gia nghiên cứu

TS Bùi Thị Phương Loan là Trưởng bộ môn Mô hình hóa và Cơ sở dữ liệu của Viện Môi trường Nông nghiệp. Chị có hơn 25 năm kinh nghiệm nghiên cứu về biến đổi khí hậu (BĐKH), phát thải khí nhà kính và các biện pháp giảm thiểu, thích ứng với các tác động của BĐKH trong nông nghiệp.

Hiện chị đang tham gia dự án 'Hỗ trợ kiểm kê khí nhà kính và xây dựng các giải pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong canh tác lúa tại Việt Nam' do ACIAR tài trợ. Chị cũng là cựu sinh học bổng John Dillon của ACIAR (khóa 2021).

Xin chào chị Loan, chị bắt đầu làm việc với ACIAR từ khi nào? Điều quan trọng nhất chị đã thu nhận được khi tham gia các dự án do ACIAR tài trợ là gì?

Tôi bắt đầu tham gia dự án ACIAR từ năm 2010 với dự án nghiên cứu xử lý ô nhiễm kim loại nặng trong đất, được tham gia hội nghị "ASPAC - Môi trường trong tương lai" tại Canberra. Năm 2021 đánh dấu một bước phát triển mới trong hành trình của tôi với ACIAR đó là tham gia đồng điều phối dự án 'Hỗ trợ kiểm kê khí nhà kính và xây dựng các giải pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong canh tác lúa tại Việt Nam' do ACIAR tài trợ, Viện Môi trường Nông nghiệp chủ trì, phối hợp cùng Đại học Công nghệ Queensland (QUT) thực hiện.

Điều quan trọng nhất mà tôi học hỏi được khi tham gia dự án này là nghiên cứu phát triển các hệ số quốc gia trong hệ thống canh tác có lúa, phát triển các hệ thống kiểm kê khí nhà kính nông nghiệp bền vững, là cơ sở cho việc xây dựng chính sách và các hành động giảm phát thải khí nhà kính trong canh tác lúa.

Bên cạnh đó, dự án đã tăng cường năng lực cho các nhà khoa học và chuyên gia Việt Nam trong việc áp dụng công nghệ và phương pháp tiên tiến để theo dõi và đánh giá lượng khí thải. Những thành

tự này không chỉ góp phần bảo vệ môi trường mà còn hỗ trợ Việt Nam trong việc thực hiện các cam kết quốc tế về BĐKH.

Chị đã có những trải nghiệm như thế nào với chương trình học bổng John Dillon (JDF)?

Tham gia chương trình học bổng JDF là một trải nghiệm quý giá với tôi. Khóa học của chúng tôi khá đặc biệt, là khóa đầu tiên dành riêng cho các nhà nghiên cứu Việt Nam và diễn ra trong thời kỳ COVID. 19 học viên là các nhà nghiên cứu và quản lý nông nghiệp có các kỹ năng, chuyên môn khác nhau. Chúng tôi đã trải qua nhiều khó khăn, từ học online đến offline, nhưng luôn có sự đồng hành của nhóm giảng viên trường Đại học New England và ACIAR.

Chương trình không chỉ cung cấp cơ hội học tập và nghiên cứu cùng các thầy cô uy tín hàng đầu mà còn mở ra cơ hội gặp gỡ và làm việc với các nhà khoa học, chuyên gia trong ngành. Điểm đặc biệt nữa là chúng tôi được đề xuất và phát triển các dự án nghiên cứu thực tiễn cho ngành. Qua đó, tôi đã học hỏi và tích lũy được nhiều kiến thức mới, cập nhật các phương pháp tiên tiến và áp dụng chúng vào công việc nghiên cứu của mình. Chương trình học bổng JDF cũng giúp tôi phát triển kỹ năng lãnh đạo và quản lý dự án, từ đó đóng góp tích cực hơn nữa trong các dự án môi trường tại Việt Nam. Đây thực sự là một bước ngoặt quan trọng, giúp tôi mở rộng tầm nhìn và có những đóng góp có ý nghĩa cho cộng đồng và xã hội.

Nếu chỉ chọn một từ để mô tả cảm xúc của chị khi làm việc với ACIAR, đó sẽ là từ gì và vì sao?

Đó chính là 'biến đổi'. Quá trình làm việc với các đồng nghiệp và tổ chức ACIAR ở Việt Nam cũng như các đồng nghiệp tại Úc và trường QUT đã mang lại cho tôi một sự thay đổi sâu sắc về cách tiếp cận và hiểu biết các vấn đề liên quan đến môi

trường và nông nghiệp. Đặc biệt, sau khi tham gia chương trình JDF, tôi đã học được cách xây dựng và triển khai dự án một cách hiệu quả, đồng thời được trang bị kỹ năng để truyền cảm hứng và động lực cho nhóm của mình.

Những điều kể trên không chỉ giúp tôi phát triển chuyên môn mà còn mở rộng các mối quan hệ hợp tác quốc tế, đặc biệt trong việc thực hiện các giải pháp bền vững và hiệu quả. Điều này đã tạo ra một sự 'biến đổi' không chỉ trong sự nghiệp của tôi mà còn trong cách nhìn nhận và giải quyết các thách thức to lớn do BĐKH gây ra cho ngành nông nghiệp.

Kế hoạch sắp tới của chị trong công việc và phát triển bản thân là gì?

Tôi sẽ tiếp tục mở rộng và đào sâu các nghiên cứu về BĐKH và phát thải khí nhà kính trong ngành nông nghiệp. Tôi đặc biệt muốn tập trung vào việc ứng dụng công nghệ mới và tiên tiến để cải thiện hiệu quả các mô hình kiểm kê khí nhà kính, góp phần vào việc giảm thiểu tác động môi trường. Bên cạnh đó, tôi cũng lên kế hoạch hợp tác với các tổ chức để trao đổi kinh nghiệm và mở rộng mạng lưới hợp tác.

Tôi dự định tham gia thêm các khóa học về quản lý dự án và lãnh đạo chiến lược để nâng cao kỹ năng quản lý và lãnh đạo của mình. Tôi cũng muốn cải thiện kỹ năng giao tiếp và đàm phán quốc tế để có thể tham gia hiệu quả hơn trong các dự án và hội nghị quốc tế. Qua đó, tôi mong muốn không chỉ góp phần vào sự phát triển của ngành mà còn phát triển bản thân trở thành một chuyên gia có tầm ảnh hưởng trong lĩnh vực nghiên cứu môi trường.

Hoạt động yêu thích của chị trong thời gian rảnh rỗi là gì?

Khi có thời gian rảnh rỗi, tôi sẽ dành thời gian cho gia đình, cùng nhau đi chợ và sau đó dọn dẹp vườn, trồng cây. Tôi không giỏi nấu ăn bằng hai con trai, nên luôn được 'thẩm định' các món ăn do chính hai con chuẩn bị. Việc chăm sóc vườn rau sạch hữu cơ nho nhỏ trên ban công cũng giúp tôi thư giãn rất nhiều. Ngoài ra, là một người yêu thích cà phê, tôi không chỉ thưởng thức mà còn nghiên cứu cách tái chế phụ phẩm nông nghiệp để sản xuất than sinh học. Dự án nghiên cứu về than sinh học, sử dụng phụ phẩm từ cây lúa và cây cà phê, do nhóm JDF của chúng tôi thực hiện, đã được đánh giá cao về tiềm năng thúc đẩy bảo vệ môi trường và phát triển nông nghiệp tuần hoàn. Điều này không chỉ hữu ích cho thích ứng với BĐKH mà còn giúp giảm phát thải, thực hiện cam kết của chúng tôi vì một tương lai bền vững hơn.



TS Loan và các học viên John Dillon Việt Nam dự lễ tốt nghiệp học bổng John Dillon tại Canberra, Tháng 9/2023

Phỏng vấn nông dân



Chị Đinh Thị Thuyền đã tham gia dự án 'Cải thiện nguồn gen gà Châu Á' (LS/2019/142) từ năm 2022. Chị rất hào hứng với các kết quả ban đầu của việc nuôi thử nghiệm so sánh giữa giống gà bản địa Lạc Sơn và giống gà nhập nội Sasso do dự án giới thiệu.

Chào chị Thuyền, chị có thể giới thiệu ngắn gọn về bản thân với độc giả ACIAR?

Tôi tên là Đinh Thị Thuyền, ở xã Sơn Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình. Tôi tham gia dự án từ năm 2022. Hiện tại tôi đang tham gia thực hiện thử nghiệm so sánh giữa giống gà Lạc Sơn của địa phương và giống gà nhập nội Sasso do dự án cung cấp.

Điều chị thích nhất khi tham gia dự án là gì?

Trước tiên, chúng tôi được tham dự lớp tập huấn, biết kỹ thuật nuôi gà bao gồm các khâu từ chuẩn bị chuồng trại, chọn giống gà, chăn nuôi gà ở các giai đoạn trưởng thành và sinh sản và kỹ thuật phòng và điều trị những bệnh phổ biến trên gà.

Tôi tuy đã chăn nuôi gà nhiều năm, nhưng vốn chỉ làm theo cách truyền thống và dựa vào kinh nghiệm của bản thân. Khi được tham gia lớp tập huấn, tôi mới thấy nhiều kiến thức mới và rất thiết thực. Ví dụ như trước đây, khi chăn nuôi gà với số lượng ít, chúng tôi thường không chuẩn bị chuồng



trại kỹ lưỡng để gà có thể tránh mưa, cộng với không có kiến thức về tiêm phòng vắc-xin nên đàn gà thường hay bị bệnh và tỉ lệ hao hụt cao.

Ngoài ra, chúng tôi được tham gia vào thử nghiệm so sánh giống gà Lạc Sơn và giống gà Sasso, vì vậy kiến thức tập huấn được áp dụng vào ngay đàn gà thử nghiệm, giúp chúng tôi tự tin để chăm sóc đàn gà.

Hiện tại đàn gà thử nghiệm của chúng tôi đã được gần 50 tuần tuổi. Qua quan sát và đánh giá thực tế, tôi nhận thấy giống gà Sasso có năng suất, sinh trưởng tốt hơn so với giống gà Lạc Sơn, có khả năng thích nghi tốt, và ngoại hình, màu lông phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng địa phương. Đặc biệt vào giai đoạn sinh sản, giống gà Lạc Sơn cho năng suất trứng kém hơn, trong khi giống gà nhập nội cho năng suất trứng cao, ổn định hơn và trứng cũng to hơn. Chúng tôi đã ăn thử và bán trứng của giống gà nhập nội ra thị trường, được người dân rất ưa thích. Chúng tôi rất hài lòng với đặc điểm và năng suất của giống gà nhập nội này.

Điều quan trọng nhất chị đã học được và áp dụng kể từ khi tham gia dự án là gì?

Khi tham gia dự án, tôi đã dần thay đổi được suy nghĩ của mình. Trước kia, tôi chỉ nuôi gà bản địa với năng suất thấp do giống gà này được người tiêu dùng ưa chuộng và tôi nuôi với mục đích phục vụ gia đình mà không quan tâm đến hiệu quả kinh tế. Tuy nhiên, từ khi tham gia dự án này, đặc biệt là thử nghiệm nuôi hai giống gà bản địa và nhập nội để so sánh, tôi mới nhận ra chăn nuôi gà là một trong những công việc mang lại thu nhập cho gia đình, từ đó chúng tôi biết lựa chọn giống để nuôi và áp dụng tốt kỹ thuật chăn nuôi.

Với người phụ nữ trước giờ chỉ chăm lo việc gia đình như tôi, việc có thu nhập từ chăn nuôi có ý nghĩa rất lớn. Tôi có thể lo cho kinh tế gia đình, lo cho các con ăn học. Đặc biệt, khi tham gia dự án, ngoài việc được trang bị kiến thức chăn nuôi, tôi còn được nâng cao kiến thức xã hội thông qua các buổi họp nhóm, sinh hoạt với Hội phụ nữ, Mặt trận Tổ quốc, từ đây uy tín của tôi được nâng lên và tôi được đề cử vào Ban công tác mặt trận thôn để phổ biến những kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn cho mọi người.

Sắp tới, chị có định hướng phát triển công việc chăn nuôi gà như thế nào?

Sắp tới, chúng tôi sẽ tiếp tục nuôi gà để hoàn thành yêu cầu thử nghiệm của dự án. Với kiến thức đã học được từ lớp tập huấn của dự án và kinh nghiệm nuôi gà thử nghiệm, tôi tự tin để tiếp tục chăn nuôi gà theo hướng vừa cung cấp thực phẩm cho gia đình, vừa có thể bán ra thị trường để cải thiện thu nhập.

Chị có đề xuất cải tiến gì trong các hình thức hỗ trợ của dự án hiện giờ không?

Qua việc nuôi thử nghiệm, tôi rất hài lòng với giống gà Sasso nhập nội. Nhưng theo tôi được biết từ các cán bộ dự án, đàn gà chúng tôi đang nuôi hiện là giống gà thương phẩm và chúng tôi không thể tự ấp nở để lấy gà giống. Sau khi kết thúc thử nghiệm chúng tôi muốn tiếp tục nuôi giống gà này nhưng chưa biết có thể mua ở đâu. Chính vì vậy tôi mong muốn từ phía dự án tiếp tục tài trợ để phát triển giống gà nhập này, để chúng tôi có nguồn cung giống tốt, để phục vụ cho phát triển chăn nuôi gà ổn định trong thời gian tới.

Xin cảm ơn chị!

Nguyên liệu

100g	lườn gà
100g	cà chua
3 củ	su hào loại nhỏ
50g	nấm thủy tiên
10g	rau mầm
50ml	dầu olive
10ml	giấm nho
	tiêu
	muối

Cách làm

- Cà chua bổ đôi, su hào gọt vỏ bổ đôi, nấm sơ chế cắt bỏ chân, cho nguyên liệu vào đĩa. Trộn đều với dầu olive, tiêu, muối.
- Ướp lườn gà với dầu olive, tiêu, muối.
- Bật bếp nướng nhiệt độ cao nhất, đợi bếp nóng, cho gà lên nướng nhanh hai mặt cho xém rồi cho ra đĩa để nghỉ khoảng 5 đến 7 phút. Sau đó cho gà lên bếp nướng tiếp khoảng 10 phút với lửa vừa phải đến khi chín hẳn. Chú ý không nướng quá kỹ, tránh thịt gà bị khô. Để gà nghỉ 5 phút rồi cắt thành miếng vừa ăn.
- Nướng rau củ trên bếp cho chín đều rồi cho ra thố trộn. Thêm dầu olive, giấm nho, thịt gà, trộn đều. Trang trí với rau mầm.

Salad gà & rau củ nướng

Công thức món ăn của đầu bếp Nguyễn Mạnh Hùng
Ảnh: Vũ Bảo Khánh



Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Quốc tế Australia (ACIAR) là một phần trong chương trình hợp tác phát triển quốc tế của Australia. Nhiệm vụ của trung tâm là xây dựng các hệ thống nông nghiệp bền vững và năng suất hơn vì lợi ích của các quốc gia đang phát triển và Australia. ACIAR tổ chức các chương trình hợp tác nghiên cứu giữa Australia và các nhà nghiên cứu từ các quốc gia đang phát triển về các lĩnh vực mà Australia có thế mạnh về nghiên cứu. ACIAR cũng điều phối đóng góp của Australia đối với các trung tâm nghiên cứu nông nghiệp quốc tế.

ACIAR Việt Nam là một trong 11 văn phòng quốc gia/khu vực của Trung tâm và đã có mặt tại Việt Nam kể từ năm 1993.

Thông tin liên hệ:
Văn phòng ACIAR Việt Nam
SĐT: +84-24 3774 0265
Email: aciarvietnam@aciar.gov.au

Đại sứ quán Australia
Số 8 phố Đào Tấn
Quận Ba Đình
Hà Nội, Việt Nam.



Australian Centre
for International
Agricultural Research

